

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0303826116

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 03 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 15, ngày 05 tháng 07 năm 2023



1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS
(VIỆT NAM)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NIDEC INSTRUMENTS (VIETNAM)
CORPORATION

Tên công ty viết tắt: NIVS

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Lô II-N1, Khu công nghệ cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ
Chí Minh, Việt Nam*

Điện thoại: 84.8.37360014

Fax: 84.8.37360018

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

112.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm mười hai tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: NIDEC INSTRUMENTS CORPORATION

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 1000-01-018326

Ngày cấp: 20/04/1944 Nơi cấp: Nhật Bản

Địa chỉ trụ sở chính: 5329 Shimosuwa-machi, Suwa-gun, Nagano-ken, Nhật Bản

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: SHIMADA MINORU

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 16/05/1968

Dân tộc: Quốc tịch:

Nhật Bản

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: TZ1237952

Ngày cấp: 01/09/2017

Nơi cấp: LSQ Nhật Bản tại HCM

Địa chỉ thường trú: 9579-8 Higashi Harutika, Ina shi, Nagano Ken, Nhật Bản

Địa chỉ liên lạc: 8A/3D1 Thái Văn Lung, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 06-07-2023

Số CT.....006692-07 SCT/BS
CÔNG CHỨNG VIỆN

Nguyễn Trung Chánh



Phùng Minh Thủy

BAN QUẢN LÝ
KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 3232235007

Chứng nhận lần đầu: ngày 09 tháng 3 năm 2005
Chứng nhận thay đổi lần thứ 15: ngày 21 tháng 8 năm 2023



Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Văn bản hợp nhất Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/VBHN-VPQH ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Văn phòng Quốc hội;
Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;
Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao;
Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra Nước ngoài và xúc tiến đầu tư;
Căn cứ Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp Công nghệ cao;
Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3232235007 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 3 năm 2005, thay đổi lần thứ 14 ngày 28 tháng 3 năm 2023;
Căn cứ Quyết định số 145/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;



Căn cứ Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2020 về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 5081/UBND-VX ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc điều chỉnh tiến độ triển khai thực hiện Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành;

Căn cứ Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ hồ sơ đăng ký điều chỉnh Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư do CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (VIỆT NAM) nộp ngày 07/8/2023.

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chứng nhận:

Dự án đầu tư **CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (VIỆT NAM)**; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3232235007, do Ban quản lý Khu công nghệ cao TP.HCM cấp ngày 09/3/2005 (điều chỉnh lần 14 ngày 28/3/2023) đăng ký Công ty đăng ký điều chỉnh tên nhà đầu tư (Chủ sở hữu).

Chứng nhận Nhà đầu tư:

Đối với nhà đầu tư là tổ chức:

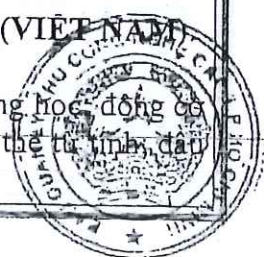
1. Tên công ty: **NIDEC INSTRUMENTS CORPORATION**
2. Đại diện pháp luật: **Ông OTSUKA TOSHIYUKI**
 - Chức vụ: Tổng Giám đốc
 - Ngày sinh: 15/07/1965
 - Quốc tịch: Nhật Bản.
 - Hộ chiếu số: TZ1135252; Cấp ngày: 08/07/2016; Nơi cấp: Nhật Bản.
 - Địa chỉ thường trú: 1-24-18-202, Suwa, Suwa City, Nagano, Japan.
 - Chỗ ở hiện tại: 1-24-18-202, Suwa, Suwa City, Nagano, Japan.
3. Trụ sở chính: 5329 Banchi, Shimosuwa-machi, Suwa-gun, Nagano-ken, Nhật Bản.
4. Mã số pháp nhân: 1000-01-018326, Cấp ngày 20/04/1944, Nhật Bản

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (VIỆT NAM), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303826116 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09/3/2005 đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 05/07/2023 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: **CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (VIỆT NAM)**
2. Mục tiêu dự án:
 - Sản xuất, gia công sửa chữa và tiêu thụ các linh kiện đầu gắp quang học, động cơ bước, các thiết bị điện gia dụng cao cấp sử dụng động cơ bước; Đầu đọc thẻ từ tĩnh, đầu



đọc thẻ trả trước; công tắc định giờ; và chế tạo các linh kiện máy móc để sản xuất các sản phẩm trên.

- Nghiên cứu thị trường.
- Hoạt động tư vấn quản lý:

Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ hoạt động liên quan tới các phương pháp cải thiện năng suất, giảm chi phí sản xuất và tăng cường chất lượng sản xuất; Các hoạt động tư vấn sản xuất (có thể liên quan tới một hoặc nhiều công việc sau: tận dụng hiệu quả các nguyên liệu trong quá trình sản xuất, quản lý và kiểm soát lưu kho, các tiêu chuẩn hoạt động, các nghiên cứu về thời gian và chuyển động, các phương pháp về công việc và làm việc, quản lý hoạch định, thiết kế và các vấn đề liên quan tới sản xuất).

- CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (VIỆT NAM) được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất.

3. Quy mô dự án: Quy mô: Số lượng 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) cái/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô II- N1 Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

5. Diện tích mặt đất: 66.492,3 m² (Tăng thêm 12.045,4 m²).

6. Vốn đầu tư thực hiện dự án: 120.000.000 USD (Một trăm hai mươi triệu đô la Mỹ), trong đó:

a) Nguồn vốn:

- Vốn góp: 7.000.000 USD (bảy triệu) Đô la Mỹ.
- Vốn vay: 38.000.000 USD (ba mươi tám triệu) Đô la Mỹ.
- Vốn huy động: 75.000.000 USD (Bảy mươi lăm triệu) Đô la Mỹ.

b) Cơ cấu vốn:

- Vốn cố định: 100.055.567 USD (một trăm triệu không trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm sáu mươi bảy Đô la Mỹ)

- + Nhà xưởng: 17.682.312 USD
- + Đất đai: 435.126 USD
- + Máy móc thiết bị: 60.590.186 USD
- + Tài sản cố định khác: 21.347.943 USD
- Vốn lưu động: 19.944.433 USD

b) Tiến độ góp vốn: đã góp đủ

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 09/3/2005.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Dự án đầu tư ban đầu: Đã vào hoạt động từ tháng 10 năm 2005
- Dự án đầu tư mở rộng:

STT	Mục tiêu thực hiện	Thời gian
1	Hoàn thành thủ tục cấp phép xây dựng	8/2016 – 10/2016
2	Khởi công và hoàn thành xây dựng	10/2016 – 8/2017
3	Lắp đặt máy móc thiết bị	9/2017 – 11/2017
4	Đi vào hoạt động	Từ 12/2017

Điều 2: Các ưu đãi đối với dự án

Dự án được hưởng các ưu đãi như sau:

a. Đối với loại hình sản xuất:

20083

PHÒNG
CHỨC
KINH TẾ

T. P. HỒ

226/16-C.T.

CÔNG TY
TNHH
INSTRUMENTS
(VIỆT NAM)

T. P. HỒ CHÍ



- Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 10% (Mười phần trăm) thu nhập chịu thuế.

- Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

b. Đối với phần đầu tư mở rộng: được hưởng ưu đãi theo quy định pháp luật.

c. Đối với loại hình dịch vụ: được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Các điều kiện ràng buộc

Nhà đầu tư chỉ được thực hiện dự án sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá tác động môi trường;

Dự án có trách nhiệm chấp hành các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan đến việc thi hành bảo vệ môi trường;

Nhà đầu tư cam kết thực hiện đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào hoạt động chính thức;

Dự án phải lưu ý áp dụng các biện pháp và phương án cụ thể đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định pháp luật hiện hành;

Việc xây dựng các công trình của dự án phải tuân thủ các quy định của Pháp luật Việt Nam và Ban Quản lý Khu Công nghệ cao về quy hoạch và xây dựng;

Việc tuyển dụng, đào tạo và sử dụng làm việc tại dự án phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Lao động Việt Nam;

Dự án nhận chuyển giao công nghệ từ bên ngoài phải thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước Việt Nam về chuyển giao công nghệ;

Sản phẩm của dự án nếu tiêu thụ tại Việt Nam phải đăng ký chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, hợp chuẩn và phải chịu sự kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam;

Đối với lĩnh vực đầu tư có điều kiện, dự án phải đáp ứng điều kiện quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành. Doanh nghiệp chỉ được thực hiện quyền xuất khẩu - nhập khẩu sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành cấp phép hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương;

Nhà đầu tư có trách nhiệm tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án và thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các quy định của Cơ quan Quản lý nhà nước khi có sự điều chỉnh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh hoặc địa điểm hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá;

Trong quá trình hoạt động, Nhà đầu tư phải chấp hành đúng các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực hoạt động và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư, số 61/2020/QH14;

Trong trường hợp doanh nghiệp không thực hiện đúng nội dung dự án hoặc chậm triển khai dự án theo tiến độ và các nội dung đã cam kết (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc có sự đồng ý bằng văn bản của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao), Ban quản lý Khu Công nghệ cao có quyền thu hồi Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư.



Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 3232235007 ngày 09/3/2005 (điều chỉnh lần 14 ngày 28/3/2023).

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (hai) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản, tổ chức kinh tế thực hiện dự án được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

- Như Điều 5;

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
TRƯỞNG BAN

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 12-09-2023

Số CT..... 009282-69 SCT/BS
CÔNG CHỨNG VIỆN



Nguyễn Thị Quý



Số: 103/QĐ-KCNC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 – lần 3

DỰ ÁN NHÀ MÁY NIDEC SANKYO VIỆT NAM

(Do Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam làm chủ đầu tư)

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng về việc quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25/12/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 16/3/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn I;

Quyết định số 87/QĐ-KCNC ngày 30/12/2005 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nhà máy Nidec Sankyo (điều chỉnh lần 1 tại Quyết định số 32/QĐ-KCNC ngày 23/3/2010 và điều chỉnh lần 2 tại Quyết định số 129/QĐ-KCNC ngày 29/7/2011);

Giấy chứng nhận đầu tư số 413 043 000021 chứng nhận lần đầu vào ngày 09/3/2005, thay đổi lần 6 ngày 24/6/2014 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp;

Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 06/HĐTĐ/KCNC-2005 ngày 26/9/2005;

Xét Đơn đề nghị phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Nhà máy Nidec Sankyo - lần 3 của Công ty TNHH Nidec Sankyo đính kèm hồ sơ thiết kế do Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dinh Phát lập;

Theo kết quả thẩm định của phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường tại Báo cáo thẩm định số 05/BC-QHXDMT ngày 24/6/2014,



QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Nhà máy Nidec Sankyo Việt Nam - lần 3 của Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam, đính kèm hồ sơ thiết kế do Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dinh Phát lập gồm:

- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất;
- Bản đồ quy hoạch mặt bằng tổng thể tỷ lệ 1/500;
- Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan;
- Bản đồ quy hoạch giao thông - chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng tỷ lệ 1/500;
- Bản đồ quy hoạch cấp điện tỷ lệ 1/500;
- Bản đồ chiếu sáng tỷ lệ 1/500;
- Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc tỷ lệ 1/500;
- Bản đồ quy hoạch cấp nước tỷ lệ 1/500;
- Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn tỷ lệ 1/500;
- Bản đồ quy hoạch san nền và thoát nước mặt tỷ lệ 1/500 (2 bản);
- Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống kỹ thuật tỷ lệ 1/500.

Với những nội dung chính như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực quy hoạch:

- Vị trí khu vực quy hoạch: thuộc lô I1-N1, Giai đoạn I, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

- Giới hạn khu vực quy hoạch như sau:

- + Phía Bắc giáp xa lộ Hà Nội;
- + Phía Đông Nam giáp đường N1;
- + Phía Tây Nam giáp khu nhà máy Nidec Servo;
- + Phía Tây Bắc giáp suối Gò Cát.

- Tổng diện tích khu vực quy hoạch: 54.390,8 m²

- Tính chất của khu vực quy hoạch: đất sản xuất Công nghệ cao.

2. Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

2.1. Bảng cơ cấu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Theo QĐ 129/QĐ-KCNC ngày 29/7/2011		Theo Điều chỉnh mới		Ghi chú
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
A	Đất xây dựng	26.374,04	48,49	26.878,34	49,42	
1	Nhà xưởng A	6.132,04	11,27	6.132,04	11,27	Công trình hiện hữu
2	Nhà xưởng B	5.791,24	10,65	5.791,24	10,65	
3	Nhà xưởng C	6.132,04	11,27	6.303,04	11,59	Công trình xây mới
4	Nhà xưởng D	3.268,78	6,01	3.268,78	6,01	Công trình hiện hữu
5	Căn tin	1.516,04	2,79	1.516,04	2,79	
6	Phòng máy	307,44	0,57	307,44	0,57	
7	Nhà xe 2 bánh A	1.529,5	2,81	1.529,5	2,81	

8	Nhà xe ô tô	120	0,22	120	0,22	
9	Nhà bảo vệ số 1	35,28	0,06	35,28	0,06	
10	Nhà bảo vệ số 2	42,62	0,08	42,62	0,08	
11	Nhà rác	20,1	0,04	20,1	0,04	
12	Phòng xử lý Nhiệt	148,95	0,27	148,95	0,27	
13	Hành lang mái nổi số 1	636,92	1,17	636,92	1,17	
14	Hành lang mái nổi số 2	139,23	0,26	139,23	0,26	
15	Mái che trục X27 (Nhà xưởng D)	328	0,6	328	0,6	
16	Hành lang mái nổi số 3	79,88	0,15	79,88	0,15	
17	Hành lang mái nổi số 4	88,92	0,16	88,92	0,16	
18	Hành lang mái nổi số 5	14,9	0,03	14,9	0,03	
19	Hành lang mái nổi số 6	42,16	0,08	42,16	0,08	
20	Hành lang nổi số 7	0	0	108,3	0,2	
21	Hành lang nổi số 8	0	0	97,65	0,18	
22	Nhà vận hành XLNT	0	0	22,2	0,04	
23	Trạm biến thế			87,55	0,16	
24	Khu vực để gas			17,6	0,03	
B	Đất giao thông sân bãi	14.584,34	26,81	14.226,64	26,16	
C	Đất cây xanh	13.432,42	24,70	13.285,82	24,43	
	TỔNG CỘNG	54.390,8	100	54.390,8	100	

Công trình
xây mới

2.2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

- Tổng diện tích khu đất : 54.390,8 m².
- Diện tích xây dựng (bao gồm phần đất xây dựng nhà xưởng, đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật, bãi xe có mái che) : 26.878,34 m².
- Tầng cao : 1-3,5 tầng.
- Mật độ xây dựng : 49,42%.
- Tỷ lệ cây xanh : 24,43%.
- Tổng diện tích sàn xây dựng : 53.218,98 m².
- Hệ số sử dụng đất : 0,98.
- Chỉ giới xây dựng:
 - + Đường N1 : tối thiểu 15m;
 - + Đường song hành : tối thiểu 10m;
 - + Các dự án kế cận : tối thiểu 5m.

3. Quy hoạch tổng mặt bằng và không gian kiến trúc cảnh quan:

3.1. Bố cục tổng mặt bằng: bao gồm các khu

- a) Hướng tiếp cận: Từ đường N1 theo 2 công.
- b) Bố cục tổng mặt bằng: Gồm 4 Nhà xưởng chính tập trung thành cụm chính giữa



khu đất nối với nhau bằng các hành lang được đánh số từ 1 đến 8.

- Nhà xưởng hiện hữu A, B, D với quy mô:
 - + Nhà xưởng A: 6.132,04 m²; tầng cao: 2 tầng;
 - + Nhà xưởng B: 5.791,24m²; tầng cao: 2 tầng;
 - + Nhà xưởng D: 3.258,78m²; tầng cao: 3 tầng;
 - Nhà xưởng C: là nhà xưởng xây mới với quy mô 1 hầm, 1 trệt, 1 lửng, 1 lầu.
 - + Tầng hầm là khu vực để xe 2 bánh, lối đi, phòng bảng điện, kho, khu vực để nguyên liệu;
 - + Tầng trệt là xưởng chính, bao gồm kho nhập xuất hàng, xưởng sản xuất, phòng quản lý chất lượng, phòng kỹ thuật, phòng hàn, phòng để khay, rửa, phòng bảo trì, phòng làm việc, phòng để khuôn;
 - + Tầng lửng làm khu lắp ráp, phòng quản lý chất lượng, vệ sinh.
 - + Tầng lầu làm khu sản xuất, phòng đặt máy AHU, phòng phân tích, bảo trì, phòng huấn luyện, văn phòng xưởng, khu vệ sinh.
- Tổng thể nhà xưởng C được sơn màu trắng, có chỉ màu xanh lá cây chạy quanh nhà máy. Mặt trước tòa nhà được thiết kế các vách kính nhìn ra sân đường nhà máy, nối nhà xưởng C với nhà xưởng A và nhà căn tin hiện hữu bằng hệ thống hành lang.
- Khu căn tin đã được xây dựng nằm kế cận nhà xưởng D hiện hữu.
 - Ngoài ra còn các nhà, trạm kỹ thuật khác nằm rải rác trong khu đất, kết nối với các nhà xưởng chính để vận hành như:
 - + Phòng máy nén khí hiện hữu;
 - + Phòng xử lý nhiệt hiện hữu sát nhà xưởng A;
 - + Nhà vận hành xử lý nước thải xây mới để vận hành hồ tập trung nước thải ở khu vực phía Tây Bắc khu đất.
 - + Trạm biến thế xây mới phục vụ cho khối nhà C xây dựng mới;
 - + Nhà bảo vệ: gồm 2 nhà nằm ở vị trí cổng ra vào từ đường N1;

3.2. Thiết kế cây xanh cảnh quan:

- Các mảng xanh trong khu đất trên nguyên tắc: bố trí xung quanh dọc tường rào khu đất, kết nối các nhà xưởng chính, ưu tiên chọn cây địa phương dễ trồng, hạn chế các cây có mùi đặc trưng, độc hại, thu hút côn trùng, dễ gây cháy...; Tổ chức cây bóng mát dọc các tuyến giao thông nội khu, các mảng xanh có thiết kế cảnh quan, tiểu cảnh sinh động, tạo không gian thư giãn cho người làm việc.
- Sử dụng cây xanh chuyên dùng để bao che, cách ly các khu vực đầu mối kỹ thuật của dự án.

4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

4.1. Quy hoạch giao thông:

- Thiết kế, xây dựng các đường giao thông xung quanh khu vực nhà xưởng C xây mới kết nối với các đường giao thông hiện hữu tạo thành mạng lưới đường nội bộ với chiều rộng từ 5m đến 20m, phục vụ việc đi lại, vận chuyển hàng hóa, đồng thời phục vụ công tác phòng cháy và chữa cháy, thiết kế đảm bảo theo các quy định về đường giao thông;

- Kết nối với hệ thống giao thông khu vực qua 02 cổng đường N1;
- Bố trí 02 nhà để xe gồm nhà để xe 2 bánh và nhà để xe ô tô;

4.2. Quy hoạch cấp điện-chiếu sáng và thông tin liên lạc:

- Chỉ tiêu cấp điện:

- + Nhà xưởng A: 3000KVA (Hiện hữu – giai đoạn I);
- + Nhà xưởng B: 1950 KVA (Hiện hữu – giai đoạn II);
- + Nhà xưởng D: 1190 KVA (Hiện hữu – giai đoạn III);
- + Căn tin và phòng máy: 500 KVA (Hiện hữu – giai đoạn I);
- + Nhà xưởng C: 4000 KVA (Xây mới – giai đoạn IV).

- Nguồn cấp điện chính là hệ thống điện 15kV (22kV) được cung cấp từ điểm đầu nối chôn ngầm trên vỉa hè đường D3, băng qua Suối Gò Cát theo định hướng quy hoạch Khu Công nghệ cao; từ nguồn điện trung thế này sẽ cung cấp điện đến trạm tiếp nhận điện dẫn vào trạm biến thế có dung lượng cho giai đoạn hiện hữu là 18 MVA và hệ thống cho giai đoạn 4 là 5 MVA.

- Toàn bộ hệ thống cáp điện trong khu vực nhà máy là cáp điện 24 KV đi ngầm dưới đất và dẫn trong ống PVC đặt trong mương cáp kỹ thuật. Điện trung thế cấp cho giai đoạn 4 được lấy từ trạm tiếp nhận ở nhà phụ trợ hiện hữu, dẫn ngầm qua trạm biến thế mới được đặt kế nhà C.

- Điện chiếu sáng toàn khu được bố trí dọc theo các trục đường, đảm bảo các tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng.

4.3. Quy hoạch cấp nước:

- Chỉ tiêu cấp nước: 400m³/ngày.

- Nước cấp cho khu vực nhà máy được dẫn từ hệ thống cấp nước của Khu Công nghệ cao dọc đường song hành, sau đó qua đồng hồ tổng và dẫn đến cấp cho hồ nước ngầm 200m³ nằm ở phía dưới của nhà căn tin hiện hữu được bơm lên hệ thống bồn inox trên mái của căn tin, từ đó cấp xuống cho căn tin và cho nhà xưởng D; một phần được phân nhánh cấp cho nhà xưởng A và nhà xưởng B; ngoài ra có phân nhánh cấp cho tưới cỏ và cây xanh, dẫn đến các khu vực sử dụng bằng ống sắt thép kẽm. Ống nhựa có đường kính từ 60 – 114 tùy lưu lượng từng khu vực.

- Riêng nhà xưởng C xây mới thiết kế 1 hệ thống bơm cấp nước cho hệ thống 4 bồn inox được đặt trên trần của nhà xưởng C, từ đó nước được cấp xuống cho các điểm tiêu thụ nước trong nhà xưởng.

4.4. Quy hoạch san nền và thoát nước mặt:

- Cao độ san lấp lô đất của dự án là +10.260m so với cao độ Quốc gia - Hệ cao độ Hòn Dấu.

- Hệ thống thoát nước mặt được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải. Hệ thống thoát nước mặt bao gồm các hố thu nước, hố ga kết hợp miệng thu nước bố trí dọc theo các tuyến đường bên trong khu vực dự án.

- Hệ thống thoát nước mặt của dự án được bố trí dọc các tuyến giao thông nội bộ với đường kính ống D300, D400, D600 và hệ thống mương hở rộng 300mm và 500mm dọc tường rào, sau đó dẫn vào các hố ga chung của dự án và thoát ra Suối Gò Cát.

4.5. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Chỉ tiêu thoát nước thải của dự án: $\geq 80\%$ tổng lượng nước cấp;

- Trong giai đoạn 4, được bổ sung thêm vào hệ thống thoát nước thải 1 hồ xử lý nước thải có công suất 400m³/ngày đêm. Nước thải của các nhà xưởng hiện hữu, căn tin và nước thải của nhà xưởng C, thu gom từ các bể tự hoại 3 ngăn, dẫn trong ống nhựa có đường kính từ D114 – D200, được tập trung vào hồ để xử lý, sau khi xử lý nước đạt tiêu chuẩn xả thải của KCNC được xả vào hệ thống ống thoát chung của Tập đoàn Nidec, sau đó đi ra hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao

- Thu gom chất thải rắn: bố trí thùng thu gom rác trong từng nhà xưởng, bố trí thùng rác và thu gom rác trong sân khu nhà máy để đảm bảo vệ sinh môi trường

- Riêng khu vực căn tin, nước thoát trước khu đầu nổi vào hệ thống ống dẫn vào hồ xử lý nước thải, được dẫn vào hố gạn mỡ để tách dầu mỡ và rác cặn, phần nước trong sau đó nhập chung vào hệ thống và được bơm vào ngăn chứa của hồ xử lý nước thải. Phần chất rắn được bỏ vào thùng chứa và được đem đi xử lý theo đúng quy trình.

Điều 2. Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam có kế hoạch triển khai việc tổ chức quản lý, thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo đúng nội dung được phê duyệt; đồng thời, phải có giải pháp xử lý khói, bụi, tiếng ồn đảm bảo tiêu chuẩn quốc gia, cần ưu tiên sử dụng vật liệu xây dựng thân thiện môi trường, thiết bị điện tiết kiệm năng lượng. Các đề xuất, thay đổi trong quá trình thực hiện dự án Chủ đầu tư phải báo cáo bằng văn bản với Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh để xem xét và chấp thuận trước khi thực hiện.

Đồ án quy hoạch chi tiết “Nhà máy Nidec Sankyo Việt Nam” phải đảm bảo các quy định về phòng cháy và chữa cháy, đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế các Quyết định số 87/QĐ-KCNC ngày 30/12/2005 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nhà máy Nidec Sankyo, Quyết định số 32/QĐ-KCNC ngày 23/3/2010 điều chỉnh quy hoạch chi tiết - lần 1 và Quyết định số 129/QĐ-KCNC ngày 29/7/2011 điều chỉnh quy hoạch chi tiết - lần 2;

Điều 4. Chánh Văn phòng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Trưởng các phòng sau: phòng Kế hoạch và Đầu tư, phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường; phòng Xúc tiến Đầu tư và Hợp tác Quốc tế; phòng Doanh nghiệp; Giám đốc Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở QHKT, Sở XD;
- Trưởng ban (để báo cáo);
- Các PTB;
- Lưu: VT, P.QHXDMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Lê Thành Đại

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

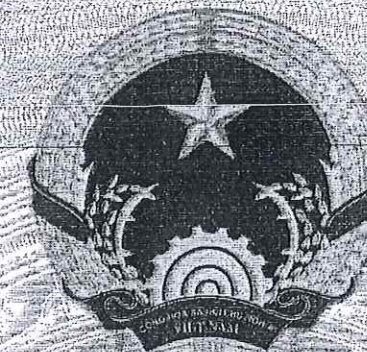
Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



79 26836 12 005662

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

CÔNG TY TNHH NIDEC SANKYO VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đầu tư số 413/043/000021 do Ban Quản lý Khu công nghệ cao TP. HCM cấp, chứng nhận lần đầu ngày 09/3/2005, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 07/7/2011.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô II-N1, Khu công nghệ cao, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

BI 408594

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 61, 16, 29, 42, 59, 36 Tờ bản đồ số: 49, 50, 51, 52, 53, 55.
b) Địa chỉ: phường Tân Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.
c) Diện tích: 54.446,9 m², (bằng chữ: Năm mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi sáu phẩy chín mét vuông).
d) Hình thức sử dụng: riêng: 54.446,9 m², chung: không m².
đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghệ cao.
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 09/3/2055.
g) Nguồn gốc sử dụng đất: Thuê đất của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghệ cao
(Ban Quản lý Khu công nghệ cao TP. HCM).

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

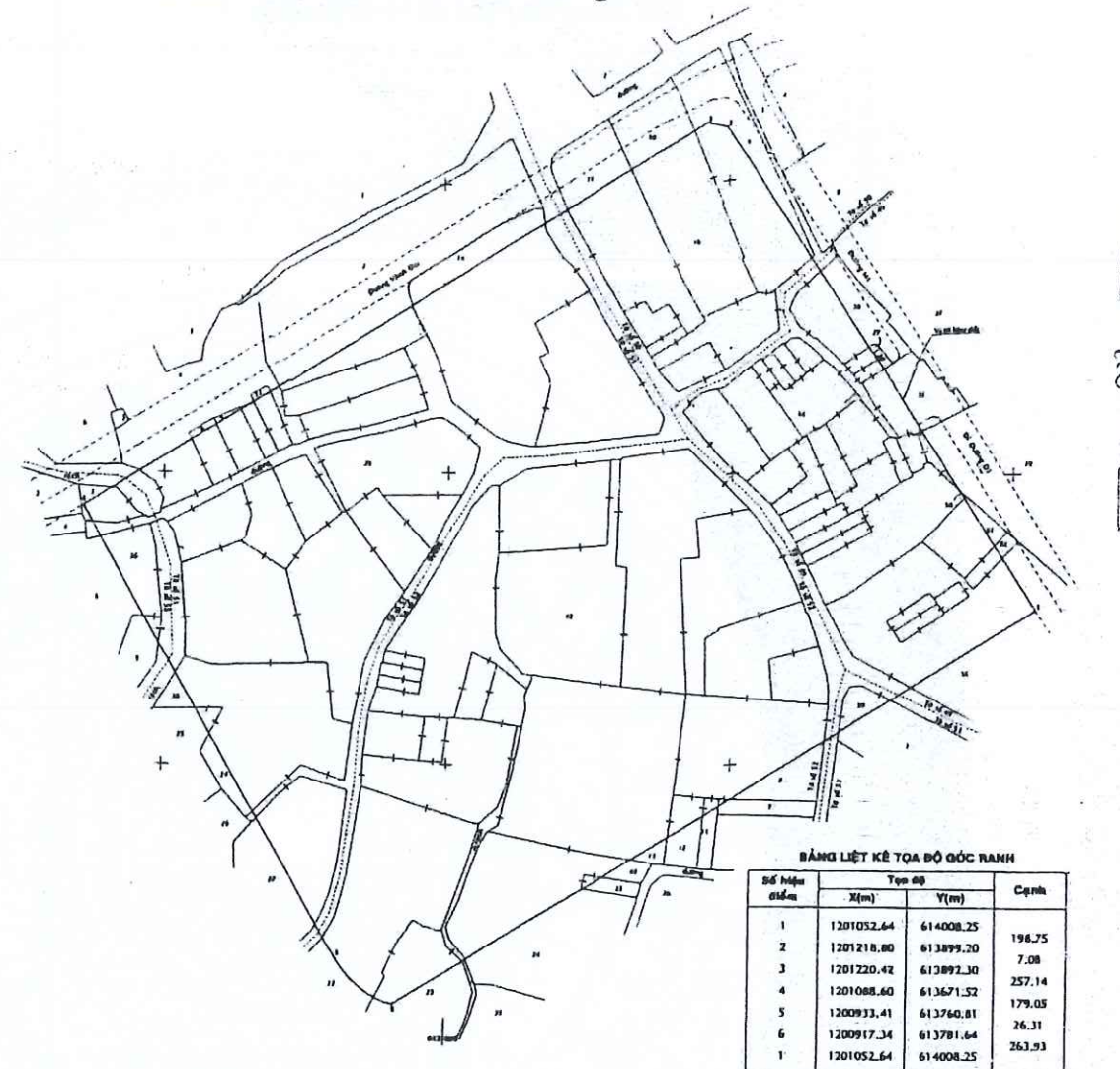
Giấy chứng nhận này được cấp do thuê lại đất theo hồ sơ số 000374.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14. tháng 5. năm 2012
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TU. CHỦ TỊCH *Đào Anh Kiệt*
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Đào Anh Kiệt

III- Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:



Phần chi tiết xem bản đồ hiện trạng - bản đồ vị trí số 43223.KĐ/GĐ-TNMT do
Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 31/01/2012

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp GCN: CT13185

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07 /GPXD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2015

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG



1. Cấp cho: Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam

- Địa chỉ: Lô I1-N1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 373 600 14

2. Được phép xây dựng công trình: Khu xuất nhập hàng E

- Theo 07 bản vẽ thiết kế có ký hiệu: NSVE-GL-00-01; NSVE-SC-01-01; NSVE-SC-01-02; NSVE-AR-01-01; NSVE-AR-01-02; NSVE-WA-01-01; NSVE-GL-00-02.

- Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH Xây dựng Việt Long lập tháng 7/2015.

- Đơn vị thẩm tra thiết kế: Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Xây dựng Quốc tế

- Gồm các nội dung sau đây:

+ Vị trí xây dựng: Lô I1-N1, Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Cốt nền xây dựng công trình: Cốt 0,00m tương cao độ Quốc gia tại Hòn Dấu - Hải Phòng +10,2m.

+ Diện tích khu đất: 54.390,8 m²

+ Diện tích xây dựng: 2.293,05 m²

+ Tổng diện tích sàn xây dựng: 4.672,8 m²

+ Số tầng: 02; Chiều cao công trình: 13,4m

+ Chỉ giới đường đỏ: Theo Quyết định số 103/QĐ-KCNC ngày 24/6/2014 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 – lần 3 Dự án Nhà máy Nidec Sankyo Việt Nam; Văn bản số 627/KCNC-QHXDMT ngày 09/6/2015 về việc điều chỉnh cục bộ bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất Dự án Nhà máy Nidec Sankyo Việt Nam; Văn bản số 684/KCNC-QHXDMT ngày 22/6/2015 về việc tăng mật độ xây dựng cho dự án Nhà máy Nidec Sankyo Việt Nam.

+ Màu sắc công trình: Màu sáng phù hợp hài hòa với cảnh quan kiến trúc chung.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

- Hợp đồng thuê đất số 06/HĐTD/KCNC-2005 ngày 26/9/2005.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 413 043 000 021 chứng nhận thay đổi lần thứ 7 ngày 27/4/2015.



- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy Hạng mục “Khu xuất nhập hàng E” số 704/TD-PCCC ngày 02/7/2015 của Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố Hồ Chí Minh.

- Biên bản giao đất tại hiện trường ngày 16/8/2005 cho Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam.

4. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp, quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:

- Như Mục 1;
- Đội Thanh tra địa bàn Quận 9 (bản sao);
- UBND Phường Tân Phú (bản sao);
- Lưu: VT, (P. QHXDMT: HPhi).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Lê Thành Đại

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo ngày khởi công công trình đến Ban Quản lý Khu Công nghệ cao trước khi thi công công trình.
4. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

....., ngày, tháng, năm

Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng
(kí, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Số: 08 /GPXD - KCNC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2014

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam

- Trụ sở liên lạc: Lô I1-N1, Đường N1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 37360014

2. Được phép xây dựng công trình thuộc dự án: Xây dựng nhà máy Nidec Sankyo Việt Nam (giai đoạn 4).

- Tổng số công trình thuộc dự án: 04 công trình (Nhà xưởng A, Nhà xưởng B, Nhà xưởng C, Nhà xưởng D).

3. Công trình xây dựng (giai đoạn 4): Nhà xưởng C.

- Tổng số bản vẽ: 63

- Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: Từ NSVC-WA-00-01 đến NSVC-WA-00-03; từ NSVC-WA-01-01 đến NSVC-WA-01-02; NSVC-WA-02-01; từ NSVC-GL-00-01 đến NSVC-GL-00-03; từ NSVC-AR-01-01 đến NSVC-AR-01-09; NSVC-AR-02-03; từ NSVC-E-03-1 đến NSVC-E-03-2; NSVC-SC-02-01; từ NSVC-SC-03-01 đến NSVC-SC-03-25; từ NSVC-SS-01-01 đến NSVC-SS-01-03; từ NSVC-E-05-1 đến NSVC-E-05-9; từ NSVC-E-08-1 đến NSVC-E-08-2; từ NSVC-E-09-1 đến NSVC-E-09-2.

- Do Công ty TNHH Xây dựng Việt Long lập tháng 4/2014.

- Đơn vị thẩm tra thiết kế kỹ thuật: Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Xây dựng Sông Hàn

- Gồm các nội dung sau:

+ Diện tích xây dựng tầng 1: 6.159,39 m²

+ Tổng diện tích sàn xây dựng: 20.652,53 m², trong đó tầng hầm: 6.032,04 m².

+ Chiều cao tầng 1 (so với cốt hoàn thiện): +4,00 m

+ Chiều cao công trình (so với cốt hoàn thiện): +15,867m. Số tầng: 2 tầng + 1hầm + lửng

+ Diện tích khu đất: 54.390,79 m²

+ Cốt nền xây dựng công trình lấy cốt nền hoàn thiện tầng 01 nhà xưởng C làm chuẩn: Cốt ±0,00m tương đương cao độ chuẩn quốc gia +10,260m (hệ Hòn Dấu – Hải Phòng).

+ Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Theo Quyết định số 87/QĐ-KCNC ngày 15/12/2005 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Mật độ xây dựng: 49,42%. Hệ số sử dụng đất: 0,98

+ Màu sắc Công trình: Màu sáng phù hợp và hài hòa với cảnh quan kiến trúc chung.

+ Các hạng mục công trình:

a) Nhà xưởng C:

Diện tích xây dựng tầng 1: 6.032,04 m²; diện tích sàn xây dựng: 20.525,18m²; số tầng: 2 tầng + 1hầm + 1 lửng; chiều cao công trình: 15,867m.

b) Nhà trạm máy biến thế:

Diện tích xây dựng: 87,55 m²; số tầng: 1, chiều cao công trình: 4,4 m.



c) Nhà để bình gas:

Diện tích xây dựng: $17,6 \text{ m}^2$; số tầng: 1, chiều cao công trình: 2,1 m.

d) Nhà vận hành xử lý nước thải:

Diện tích xây dựng: $(4,5 \times 4,8) = 21,6 \text{ m}^2$; chiều cao công trình: 3,1 m

e) Bể xử lý nước thải ngầm:

Diện tích xây dựng: $(28,5 \times 7,4) = 210,9 \text{ m}^2$.

- Tại Lô I1-N1, Đường N1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Giấy tờ về đất đai:

- Hợp đồng thuê đất số 06/HĐTĐ/KCNC-2005 ký ngày 26/9/2005 giữa Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 413043000021 chứng nhận lần đầu ngày 09/3/2005, thay đổi lần 6 ngày 24/6/2014 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 1003/TD-PCCC(P2) ngày 28/4/2013 của Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 106/QĐ-KCNC ngày 26/6/2014 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Quyết định số 103/QĐ-KCNC ngày 24/6/2014 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao về phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500.

5. Ghi nhận các công trình đã khởi công:

- Công trình: Nhà xưởng A, Nhà xưởng B, Nhà xưởng D, hàng rào, nhà xe, nhà bảo vệ.

6. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:

- Như Mục 1;
- Thanh tra Sở Xây dựng (bản sao);
- UBND phường Tân Phú (bản sao);
- Lưu: VT, P.QHXDMT.



KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Lê Thành Đại

Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kết.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo ngày khởi công công trình đến Ban Quản lý Khu Công nghệ cao trước khi thi công công trình.

4. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải công trình...).

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

6. Chủ đầu tư cần liên hệ với Công ty TNHH MTV Phát triển Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ: Đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; điện thoại: 3.730.5276, fax: 3.730.5274) để được hướng dẫn công tác đấu nối hạ tầng công trình với hạ tầng chung theo quy định của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Số **3568** /QĐ –STNMT–CCBVM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án “Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam”
tại đường N1, Khu công nghệ cao, Quận 9
của Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

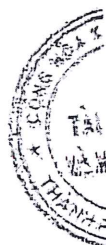
Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 18/7/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 31/01/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc chuyển đổi mô hình tổ chức Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam” tại Khu công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam, họp ngày 11/11/2016 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam” tại Lô I1.3-N1, đường N1, Khu công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm văn bản giải trình số 2111/NSVC ngày 21/11/2016 của Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam” tại Lô I1.3-N1, đường N1, Khu công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là dự án) được lập bởi Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. Phạm vi: Dự án được triển khai trên mặt bằng có tổng diện tích 66.492,3 m² của Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam, trong đó diện tích mở rộng là 6.503,85 m².

1.2. Quy mô, công suất của Dự án: đầu tư xây dựng mở rộng Nhà máy F sản xuất bộ linh kiện dùng cho tủ lạnh, bộ linh kiện dùng cho thiết bị vệ sinh, bộ linh kiện dùng cho máy giặt và máy lạnh, công suất 60 triệu sản phẩm/năm, với quy trình sản xuất như sau:

Bán thành phẩm (linh kiện đầu vào) → hoàn tất động cơ bước → tạo phần thân chính của thiết bị → tạo ống → quy trình Boss → Quy trình Pad → lắp cuộn dây động cơ và hoàn tất sản phẩm.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu, xử lý ô nhiễm bụi, tiếng ồn, rung, khí thải, nước thải và chất thải rắn trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị, đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường theo QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghệ cao;

2.2. Xây dựng tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải; đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của Dự án được thu gom về hệ thống xử lý nước thải hiện hữu công suất 400m³/ngày của Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam và xử lý đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghệ cao trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghệ cao; xây dựng hồ ga sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát.

2.3. Giảm thiểu và xử lý bụi, khí thải, mùi, tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của lò nấu nhôm và các máy móc thiết bị khác trong giai đoạn vận hành của Dự án, đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường theo QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT;

2.4. Bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại riêng biệt. Tổ chức phân loại chất thải rắn tại nguồn, đảm bảo phân loại, lưu giữ và hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định;

2.5. Thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu và các sự cố môi trường khác;

2.6. Thực hiện chương trình quản lý môi trường trong suốt quá trình lắp đặt máy móc thiết bị và hoạt động của Dự án. Thực hiện chương trình giám sát môi trường, báo cáo kết quả giám sát môi trường định kỳ cho Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ Môi trường) và các cơ quan chức năng.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường.

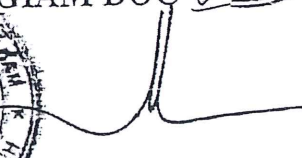
Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam” tại Lô I1.3-N1, đường N1, Khu công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Khoản 2, Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm Chi cục Bảo vệ Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định gồm 03 trang, có đóng dấu giáp lai./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam;
- UBND TP.HCM;
- UBND/Phòng TNMT Quận 9;
- BQL Khu công nghệ cao;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, TĐMT, KSON;
- DT (A.Thảo.09).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Thanh Mỹ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

3981
Số: 7/STNMT-CCBVM
Về ý kiến đối với lập báo cáo kết quả thực
hiện các công trình bảo vệ môi trường

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2018



Kính gửi: Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam

Phúc đáp Công văn số 203/CV ngày 20 tháng 03 năm 2018 của Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam về việc ý kiến đối với việc lập báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án “Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam” tại Lô I1.3, đường N1, Khu công nghệ cao, Quận 9 (sau đây gọi là Dự án); theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 3568/QĐ-STNMT-CCBVM ngày 27/12/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Theo quy định tại cột IV, Phụ lục II, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, Dự án không thuộc đối tượng phải báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường.

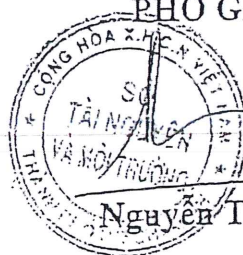
2. Về mặt bảo vệ môi trường, yêu cầu Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đã được phê duyệt và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Quyết định số 3568/QĐ-STNMT-CCBVM ngày 27/12/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường; có trách nhiệm báo cáo kết quả giám sát môi trường định kỳ cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Quận 9 và Ban quản lý Khu công nghệ cao theo đúng quy định.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo đến Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam được biết và thực hiện. / 2

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND/Phòng TNMT Quận 9;
- BQL Khu công nghệ cao;
- Lưu: VT, TĐMT (2b).Thủy.05.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thanh Mỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập _ Tự do _ Hạnh phúc

-----o0o-----

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2009

BIÊN BẢN SỐ : 01

NGHIỆM THU ĐẦU NỐI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI



Công trình : NHÀ MÁY NIDEC SANKYO VIỆT NAM.

Hạng mục: THOÁT NƯỚC THẢI.

Đối tượng nghiệm thu: Kiểm tra, xác định vị trí đầu nối hệ thống thoát nước thải của nhà máy Nidec Sankyo Việt Nam ra hệ thống chung của Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh.

1. Thành phần tham gia kiểm tra:

- Đại diện chủ đầu tư: Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam.

Ông : Trần Quốc Tuấn Chức vụ : Ban quản

Ông : Chức vụ :

- Đại diện đơn vị thi công: Công ty cổ phần xây dựng Việt Long.

Ông : Lê Trọng Thu Chức vụ : Nhà thầu

Ông : Chức vụ :

- Đại diện Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh.

Ông : Nguyễn Ngọc Nhật Chức vụ : CV - phụ QTKONT

Ông : Chức vụ :

2. Thời gian kiểm tra nghiệm thu:

* Bắt đầu : 15h ngày 28 tháng 8 năm 2009.

* Kết thúc : 15h30 ngày 28 tháng 8 năm 2009.

Tại công trình: NHÀ MÁY NIDEC SANKYO VIỆT NAM.

3. Đánh giá công việc đã thực hiện:

a. Tài liệu căn cứ để kiểm tra:

- Bản vẽ thiết kế thi công do Công ty cổ phần xây dựng Việt Long lập.

- Sơ đồ vị trí hố ga do Ban quản lý Khu công nghệ cao cung cấp.

- Thực tế thi công tại công trình.

b. Ý kiến của Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh:

Đo hồ sơ thiết kế thi công thoát nước thải từ nhà máy Nidec Sankyo qua nhà máy Nidec Sankyo đến hố ga 3.b của trục thoát nước thải Khu công nghệ cao do Hai nhà máy này trên đầu tư, nên Hai nhà máy này có trách nhiệm duy tu bảo dưỡng toàn trục ống thoát nước thải này khi đi vào sử dụng.

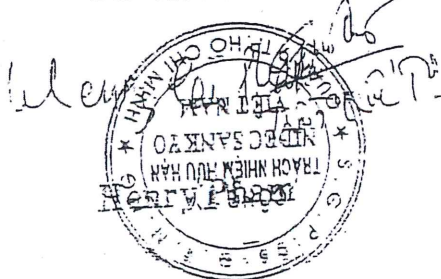
4. Kết luận:

Thi công đúng bản vẽ quy hoạch thoát nước thải tại khu vực của đơn vị Nidec lập ngày 27/8/2009. Hố ga kiểm tra tại nhà máy Nidec Sankyo đạt yêu cầu kỹ thuật

ĐD CHỦ ĐẦU TƯ

ĐD ĐƠN VỊ THI CÔNG

ĐD BAN QUẢN LÝ
KHU CÔNG NGHỆ CAO



Lê Trọng Thu

Nguyễn Ngọc Nhật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: /HĐ-BQLCDA-XLNT



Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 21/6/2012;

Căn cứ Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được ban hành kèm theo Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia môi trường;

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-KCNC ngày 30/12/2009 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố “Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao TP.Hồ Chí Minh- giai đoạn 1”;

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-KCNC ngày 31/5/2017 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao nhiệm vụ tiếp nhận, quản lý các công trình, cơ sở hạ tầng ngân sách đầu tư trong Khu Công nghệ cao và tổ chức vận hành, khai thác, sử dụng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật; thực hiện bảo trì công trình; thực hiện các hoạt động dịch vụ công cộng, các hoạt động dịch vụ có thu phí trong Khu Công nghệ cao và hoạt động dịch vụ khác theo yêu cầu của nhà đầu tư;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên,

Hôm nay, ngày 16 tháng 5 năm 2017, tại Văn phòng Ban quản lý các dự án Đầu tư-Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, hai bên gồm có:

BÊN A. BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ-XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Đại diện: Ông Phạm Hữu Minh

Chức vụ: Phó Giám đốc.

Theo Ủy quyền tại Quyết định số 17/QĐ-BQLCDA ngày 16/6/2017

Địa chỉ: Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, Đường D1 Khu Công nghệ cao, P. Tân Phú, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 37 360462, 37 307390 - Fax: (08) 3736 0470

Tài khoản: 31410002531451 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

Mã số thuế : 0306678152

BÊN B. CÔNG TY TNHH NIDEC SANKYO VIỆT NAM

Đại diện : HIROFUMI OGASAWARA Chức vụ : TỔNG GIÁM ĐỐC

Địa chỉ : Lô I1-N1 Khu Công Nghệ Cao, P. Tân Phú, Q.9- Tp.HCM

Điện thoại : 7360014, 15, 16, Fax : 7360018

Mã số thuế : 0303826116

Bên A và Bên B cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với các điều khoản như sau:

Điều 1. Điểm đầu nối.

Vị trí đầu nối tại Hồ ga:.....

Quy cách điểm đầu nối:

(Theo văn bản đề nghị đầu nối nước thải của Cty)

Điều 2. Khối lượng nước thải.

Khối lượng nước thải đăng ký: m³/ ngày.

Điều 3. Chất lượng nước thải.

1. Quy định nước thải tiếp nhận đưa vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao TP.HCM: Bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất (nước thải công nghiệp).

2. Chất lượng nước thải của Bên B trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải của Bên A phải đảm bảo trong tiêu chuẩn cho phép của Khu Công nghệ cao theo tiêu chuẩn "Chất lượng nước thải đầu vào nhà máy xử lý tập trung – Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh - giai đoạn 1" ban hành kèm theo Quyết định số 214/QĐ-KCNC ngày 30/12/2009 (Phụ lục 2);

3. Cơ sở xác định chất lượng nước thải của Bên B được căn cứ vào kết quả quan trắc chất lượng nước thải hàng quý của bên B hoặc kết quả kiểm tra giám sát môi trường của các cơ quan chức năng, kết quả lấy mẫu nước thải đột xuất của Bên A.

4. Tiêu chuẩn chất lượng nước thải sau xử lý của Bên A trước khi xả ra môi trường đạt loại A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Điều 4. Chất lượng dịch vụ.

Đảm bảo duy trì hoạt động ổn định dịch vụ xử lý nước thải trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên A.

1. Tiếp nhận và xử lý toàn bộ nước thải (trong tiêu chuẩn quy định của Khu Công nghệ cao) theo đăng ký của Bên B.

2. Thông báo đến Bên B các thay đổi liên quan đến nội dung Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải (nếu có).

3. Tiếp nhận và có biện pháp giải quyết kịp thời những thắc mắc, khiếu nại của Bên B về các vấn đề liên quan đến thu gom, xử lý nước thải.

4. Khi thực hiện công việc bảo dưỡng và sửa chữa tuyến ống thu gom cũng như hệ thống xử lý nước thải, Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước 7 ngày và khôi phục hoạt động trong thời gian sớm nhất để hạn chế gián đoạn việc xử lý nước thải của Bên B.

5. Bên A có quyền lấy mẫu đột xuất để kiểm tra chất lượng nước thải của Bên B nếu thấy cần thiết.

6. Qua phân tích mẫu nước thải lấy đột xuất, nếu kết quả phân tích mẫu phát hiện có các chỉ tiêu ô nhiễm vượt tiêu chuẩn cho phép, thì Bên A và Bên B sẽ lập Biên bản ghi nhận sự việc trình cấp thẩm quyền xử lý.

7. Đối với các đơn vị có lắp đặt hệ thống quan trắc tự động chất lượng nước thải (đã được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh nghiệm thu): các chỉ tiêu được quan trắc sẽ là cơ sở để Bên A đánh giá chất lượng nước thải của bên B.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B.

1. Đầu nối hoàn chỉnh hệ thống thoát nước thải vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung theo đúng các quy định của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

2. Báo cáo đúng tính chất và thành phần các chất ô nhiễm có trong nước thải, nếu phát hiện có sự thay đổi thành phần hoặc gia tăng nồng độ các chất ô nhiễm hay các hiện tượng bất thường thì Bên B phải kịp thời thông báo trước cho Bên A bằng các hình thức: fax, email và văn bản trong ngày.

3. Thực hiện việc báo cáo, kiểm tra mẫu nước thải:

- Trước khi Bên B đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao: Bên B gửi kết quả quan trắc chất lượng nước thải của Bên B cho Bên A.

- Sau đó định kỳ 03 tháng/lần, bên B tiếp tục gửi kết quả quan trắc chất lượng nước thải của Bên B cho Bên A trong tuần lễ đầu tiên của mỗi quý để giám sát.

4. Thanh toán đầy đủ, đúng kỳ hạn toàn bộ chi phí dịch vụ xử lý nước thải.

5. Bồi thường và buộc thực hiện các biện pháp khắc phục khi gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Giá dịch vụ thoát nước và phương thức thanh toán.

1. Mức phí:

a) Phí dịch vụ xử lý nước thải công nghiệp: Thực hiện theo Quyết định 5754/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh Quyết định về một số cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh về phí xử lý nước thải.

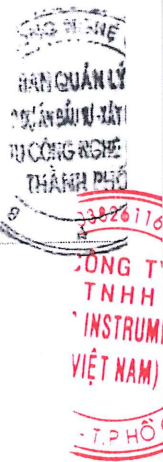
- Thời điểm tính phí xử lý nước thải: từ ngày tháng năm ...

- Số tiền thanh toán phí xử lý nước thải sẽ theo hóa đơn phát hành tại thời điểm đề nghị thanh toán theo từng tháng.

- Lượng nước thải xử lý được xác định bằng:

Đối với đơn vị không lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải: lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước cấp sử dụng của Bên B theo hóa đơn tiền nước hàng tháng.

Đối với đơn vị có lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đã được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao nghiệm thu: lưu lượng nước thải được tính theo chỉ số của



đồng hồ. Trong trường hợp đồng hồ hư hỏng, lưu lượng nước thải được áp dụng như đơn vị không lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải.

Trường hợp phí xử lý nước thải đối với nước thải công nghiệp thay đổi thì biểu giá mới sẽ được áp dụng và Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B ngay sau khi Bên A nhận được chính thức biểu giá mới. Thời điểm bắt đầu áp dụng biểu giá mới sẽ căn cứ vào thời điểm mà cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Phương thức thanh toán:

a) Bên B thanh toán phí dịch vụ xử lý nước thải đối với nước thải công nghiệp hàng tháng bằng tiền đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận được phiếu thông báo thanh toán. Giá trị thanh toán được tính theo tỷ giá ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN (BIDV) - chi nhánh Đông Sài Gòn tại thời điểm xuất hóa đơn.

Tên tài khoản: Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố

Số tài khoản: 31410002531451

Tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

b) Quá thời hạn 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận được giấy thông báo (căn cứ theo ngày Bên B ký nhận thông báo thanh toán phí dịch vụ xử lý nước thải) mà vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Bên A, thì Bên B phải thanh toán thêm tiền lãi quá hạn trên số nợ theo mức lãi suất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - chi nhánh Đông Sài Gòn.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng.

Trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, nếu một bên muốn thay đổi, hoặc bổ sung nội dung hợp đồng đã ký, thì bên đó phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày. Bất kỳ thay đổi nào sẽ có hiệu lực nếu được lập thành văn bản và ký bởi hai bên (phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng). Nếu phụ lục sửa đổi, bổ sung có những điều khoản trái với điều khoản của hợp đồng thì xem như điều khoản đó trong hợp đồng đã được sửa đổi.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng.

Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải được chấm dứt khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây :

1. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai Bên hoàn tất nghĩa vụ với nhau và không ký lại hợp đồng mới hoặc gia hạn hợp đồng thì tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng.

2. Khi một trong hai bên vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng hoặc vi phạm những qui định pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động xả thải thì hợp đồng sẽ được chấm dứt nếu như vi phạm đó đã được một trong hai Bên nhắc nhở bằng văn bản mà vẫn không khắc phục.

3. Một số trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều khoản chung.

1. Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm là thỏa thuận toàn bộ giữa hai bên (Bên A & Bên B) về các vấn đề được nêu trong Hợp đồng.

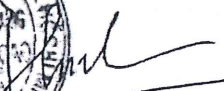
2. Hai bên cam kết hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện Hợp đồng.

3. Trường hợp phát sinh tranh chấp hai bên giải quyết bằng thương lượng. Nếu thương lượng không thành, thì việc tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định hiện hành. Phán quyết của Trọng tài là phán quyết cuối cùng và bắt buộc thực hiện.

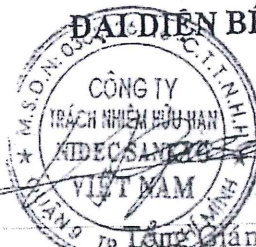
4. Hợp đồng này có hiệu lực 01 (một) năm kể từ ngày ký. Hợp đồng này sẽ tự động được gia hạn hàng năm trừ khi Bên A hoặc Bên B có ý kiến khác.

5. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai bên hoàn tất nghĩa vụ với nhau và không ký lại hợp đồng mới (hoặc Phụ lục hợp đồng) thì hợp đồng này có thêm giá trị tự thanh lý.

6. Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải được lập thành sáu (06) bản, mỗi bên giữ ba (03) bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A *gab*
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Hữu Minh



ĐẠI DIỆN BÊN B

[Signature]
TP. Long Giám Đốc
HIROFUMI OGASAWARA

CHỖ CHẤM AM
C.T.I.N.H.H
NTS
CHỖ CHẤM AM

16 C.T.I.N.H.H
TY TNHH KYO
PHI MINH

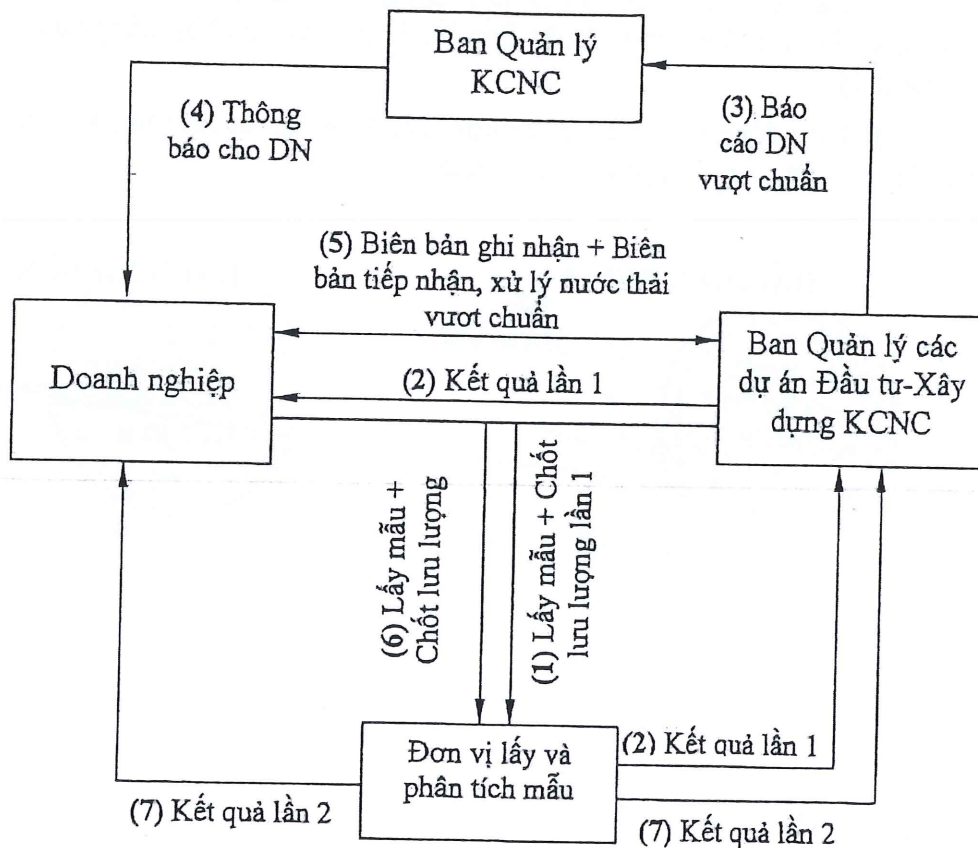
M.S.D.N. 030
NIDE
TP. THỦ Đ

Phụ lục 1

QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG THỨC LẤY MẪU ĐỘT XUẤT

Công tác lấy mẫu nước thải đột xuất: Nhà máy xử lý nước thải thuộc Ban Quản lý các dự án Đầu tư Xây dựng Khu Công nghệ cao TP.Hồ Chí Minh (gọi tắt là Nhà máy XLNT) sẽ tiến hành lấy mẫu đột xuất nước thải đầu ra của Doanh nghiệp khi nghi ngờ hàm lượng các chất ô nhiễm trong nước thải của Doanh nghiệp khi đổ vào hệ thống thu gom xử lý nước thải có các chỉ tiêu vượt tiêu chuẩn cho phép của Khu Công nghệ cao (theo Phụ lục 2). Quy trình và phương thức lấy mẫu như sau:

1. Sơ đồ quy trình lấy mẫu đột xuất



2. Quy định chung về công tác lấy mẫu nước thải đột xuất

2.1. Vị trí lấy mẫu: Điểm đầu nối hồ ga kiểm tra thoát nước thải của Doanh nghiệp vào hệ thống tuyến ống thu gom nước thải tập trung Khu Công nghệ cao.

2.2. Đơn vị lấy và phân tích mẫu: Là đơn vị có Giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 13/12/2014 của Chính Phủ) và có các chỉ tiêu phân tích phù hợp với yêu cầu lấy mẫu.

Nhằm đảm bảo tính vẹn toàn của mẫu để kết quả phân tích được chính xác, các đơn vị lấy và phân tích mẫu sẽ là các đơn vị có bán kính nằm trong khoảng 10 km từ Khu Công nghệ cao, bao gồm:

1. Viện Môi trường và Tài nguyên
 2. Trung tâm công nghệ và Quản lý môi trường
 3. Công ty TNHH EUROFIL Sắc Ký Hải Đăng
 4. Trung tâm Công nghệ và Quản lý môi trường và tài nguyên
 5. Trung tâm Dịch vụ phân tích thí nghiệm Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh
 6. Liên đoàn Quy hoạch và điều tra tài nguyên nước miền Nam
 7. Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Miền Nam
- 3. Quy trình lấy mẫu và xử lý kết quả nước thải vượt chuẩn:**

Gồm 7 bước

Bước 1: Lấy mẫu lần 1

- Bên A sẽ gọi điện thoại thông báo trước cho Bên B (từ 01 giờ đến trước 03 giờ) để Bên B cử nhân sự phối hợp với Bên A và đơn vị lấy và phân tích mẫu thực hiện việc lấy mẫu, ký vào Biên bản lấy mẫu và chốt chỉ số đồng hồ lưu lượng nước (nhân sự chứng kiến của Bên B phải được phân công/ủy quyền chịu trách nhiệm về công tác lấy mẫu).

Trong trường hợp Nhà máy XLNT lấy mẫu đột xuất mà Doanh nghiệp không cử người đại diện, Nhà máy XLNT sẽ đề xuất sự chứng kiến của đại diện Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu Công nghệ cao (viết tắt Ban Quản lý KCNC) và việc lấy mẫu vẫn được tiến hành theo đúng quy định.

Bước 2: Trả kết quả phân tích mẫu lần 1

- Kết quả phân tích mẫu là kết quả được Đơn vị lấy và phân tích mẫu mẫu (theo mục 2.2 của Quy trình này) thực hiện phân tích đối với mẫu nước thải được lấy ở Bước 1 của Quy trình này và kết quả này là cơ sở để xác định tình trạng vượt chuẩn của Bên B

- Đối với các doanh nghiệp có kết quả phân tích mẫu mà hàm lượng các chất ô nhiễm trong nước thải **vượt tiêu chuẩn** quy định xả thải của Khu Công nghệ cao:

+ Bên A sẽ thông báo kết quả phân tích mẫu lần 1 (bằng file mềm) đến Bên B trong thời gian 2 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được kết quả phân tích mẫu từ đơn vị phân tích mẫu.

+ Bên B phải chịu chi phí phân tích mẫu lần 1.

- Đối với các Doanh nghiệp có kết quả phân tích mẫu mà hàm lượng chất ô nhiễm trong nước thải **không vượt tiêu chuẩn** quy định xả thải của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Bên A thanh toán chi phí phân tích mẫu.

Bước 3: Báo cáo việc Doanh nghiệp vượt chuẩn

Bên A sẽ báo cáo bằng văn bản gửi Ban Quản lý Khu Công nghệ cao về tình hình xả thải vượt chuẩn của Bên B.

Bước 4: Thông báo kết quả phân tích mẫu (Đối với các Doanh nghiệp có nước thải vượt chuẩn)

Ban Quản lý KCNC sẽ có văn bản thông báo đến các Doanh nghiệp về việc doanh nghiệp vi phạm xả nước thải có hàm lượng các chất ô nhiễm vượt tiêu chuẩn nước thải đầu vào của Nhà máy xử lý nước thải tập trung; yêu cầu Doanh nghiệp liên hệ với Ban Quản lý các dự án ĐTXD để ký Biên bản ghi nhận nước thải vượt chuẩn và Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn.

Bước 5: Ký Biên bản ghi nhận nước thải vượt chuẩn và Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn, thỏa thuận thời gian khắc phục nước thải vượt chuẩn

Sau thời gian 2 ngày làm việc kể từ ngày có Thông báo kết quả phân tích mẫu (đối với các Doanh nghiệp có nước thải vượt chuẩn), Bên A sẽ mời đại diện Bên B (người đại diện pháp luật hoặc được ủy quyền) đến làm việc, thảo luận và hai bên sẽ tiến hành ký Biên bản ghi nhận nước thải vượt chuẩn và Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn. Bắt đầu tính phí xử lý nước thải vượt chuẩn và thu theo kỳ thu phí xử lý nước thải hàng tháng của Doanh nghiệp.

- Thời gian khắc phục nước thải vượt chuẩn, thời gian ký Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn tùy thuộc vào thỏa thuận giữa Ban Quản lý các dự án ĐTXD và Doanh nghiệp.

- Trường hợp đến thời hạn khắc phục nước thải vượt chuẩn mà Bên B không khắc phục, Bên A sẽ có văn bản nhắc nhở. Nếu Bên B vẫn không khắc phục nước thải vượt chuẩn, Bên A sẽ báo cáo, đề xuất Ban Quản lý Khu Công nghệ cao xem xét chấm dứt Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải.

- Trường hợp Bên B không hợp tác, không ký Biên bản ghi nhận nước thải vượt chuẩn, Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn, tranh chấp về kết quả phân tích mẫu (theo Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải), Bên A sẽ có văn bản nhắc nhở, đồng thời báo cáo cho Ban Quản lý Khu công nghệ cao để Ban Quản lý Khu Công nghệ cao chủ trì xử lý trước khi Bên A đề xuất chấm dứt Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải.

Bước 6: Lấy mẫu lần 2

Sau khi Doanh nghiệp thực hiện khắc phục xử lý nước thải vượt chuẩn, Ban Quản lý các dự án ĐTXD sẽ phối hợp với Doanh nghiệp tiến hành lấy mẫu nước thải lần 2 để xác định nồng độ ô nhiễm trong nước thải sau khi khắc phục đồng thời ghi nhận chỉ số đồng hồ lưu lượng nước lần 2. Chi phí phân tích mẫu nước thải lần 2 do Doanh nghiệp thanh toán.

Bước 7: Trả kết quả phân tích mẫu lần 2

Nếu kết quả phân tích mẫu nước thải lần 2 tiếp tục vượt chuẩn, Bên A và Bên B sẽ gia hạn thời gian khắc phục tại Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn. Nếu kết quả phân tích mẫu nằm trong chuẩn cho phép của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thì hai bên sẽ thanh lý Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn và tính toán chi phí xử lý nước thải vượt chuẩn.

4. Trường hợp doanh nghiệp có hệ thống quan trắc tự động chất lượng nước thải

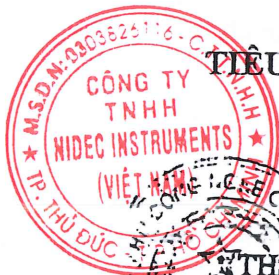
Phí xử lý nước thải vượt chuẩn được tính toán như sau:

- Đối với thời gian vượt chuẩn liên tục trên 1 giờ: Tính vượt chuẩn theo chỉ số lưu lượng và chỉ tiêu vượt chuẩn của trạm quan trắc.

- Đối với thời gian vượt chuẩn liên tục dưới 1 giờ: Không tính vượt chuẩn.



Phụ lục 2



**TIÊU CHUẨN NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TẬP TRUNG CỦA KHU CÔNG NGHỆ CAO**

**TIÊU CHUẨN NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ CỤC BỘ
THẢI VÀO NHÀ MÁY XỬ LÝ TẬP TRUNG - KHU CÔNG NGHỆ CAO TP. HCM**

	TÊN CHỈ TIÊU	ĐV TÍNH	NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO NMXLNT TẬP TRUNG
1	Nhiệt độ	°C	< 60°C
2	pH	-	5-9
3	BOD ₅	mg/l	250
4	COD	mg/l	600
5	SS	mg/l	300
6	Asen	mg/l	0,1
7	Cadimi	mg/l	0,02
8	Chì	mg/l	0,5
9	Clo dư	mg/l	2
10	Crom (VI)	mg/l	0,1
11	Crom (III)	mg/l	2
12	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5
13	Dầu mỡ, chất béo động thực vật	mg/l	100
14	Đồng	mg/l	1
15	Kẽm	mg/l	2
16	Mangan	mg/l	1
17	Niken	mg/l	1
18	Phốt pho hữu cơ	mg/l	10
19	Tổng Phốt pho	mg/l	14
20	Sắt	mg/l	10
21	Tetracloetylen	mg/l	0,1
22	Thiếc	mg/l	1
23	Thủy ngân	mg/l	0,005
24	Tổng N	mg/l	60
25	Tricloetylen	mg/l	0,3
26	NH ₃ (Tính theo N)	mg/l	29
27	Florua	mg/l	2
28	Phenol	mg/l	0,05
29	Sulfua	mg/l	0,5
30	Xianua	mg/l	0,1
31	Tổng Coliform	No/100ml	37.10 ⁴
32	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1,0



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Thu gom và vận chuyển chất thải rắn thông thường

(rác thải sinh hoạt) không nguy hại

Số: 40 /HĐ-SHTPCo-KDDV

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Bộ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại Văn phòng Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm có:

Bên A: CÔNG TY TNHH NIDEC INSTRUMENTS (VIỆT NAM)

Đại diện : SHIMADA MINORU Chức vụ: Tổng Giám Đốc.....

Địa chỉ : Lô I1-N1, Khu công nghệ cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028.73.600.14

Fax: 028.73.600.18

Mã số thuế: 0303826116

BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM

Đại diện : Ông NGUYỄN ĐỨC HIỀN Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : 46/26 Nguyễn Cửu Vân, P17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

VPGD : Khu G3, Đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, Q.9, TP.HCM.

Điện thoại : (028) 3730 5276

Fax: (028) 3730 5274

Mã số thuế : 0300376966

Tài khoản : 31410000264937 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

Bên A và Bên B đồng ý thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung dịch vụ.

1.1 Bên B nhận thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường (rác sinh hoạt) không nguy hại cho Bên A.

Địa điểm thu gom: Lô I1-N1, Khu công nghệ cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Thời gian thu gom và vận chuyển: theo thỏa thuận của hai bên.

1.2 Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký.

Điều 2. Đơn giá và phương thức thanh toán.



2.1 Đơn giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường (rác sinh hoạt): 176.800 đồng/ m³

Đơn giá thuê thùng 240l: 25.000/thùng/tháng

Đơn giá thuê thùng 660l: 180.000/thùng/tháng

Ghi chú

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT. Thuế VAT sẽ điều chỉnh theo Nghị định của Nhà Nước.
- Đơn giá trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển theo Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Phương thức thanh toán: Cuối mỗi tháng, căn cứ vào khối lượng chất thải rắn thông thường không nguy hại (rác sinh hoạt) Bên B đã thu gom và vận chuyển thực tế được hai bên xác nhận, Bên B xuất hóa đơn tài chính cho Bên A và Bên A thanh toán cho bên B theo hình thức chuyển khoản sau 07 đến 10 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn đồ.

Điều 3. Trách nhiệm hai bên.

3.1 Trách nhiệm của Bên A.

3.1.1. Có trách nhiệm bố trí khu vực chứa chất thải rắn thông thường không nguy hại (rác sinh hoạt) để thuận tiện cho Bên B thu gom và vận chuyển.

3.1.2. Khi Bên B đến thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt, Bên A sẽ có nhân viên giám sát và xác nhận khối lượng thực tế phát sinh để làm cơ sở thanh toán hàng tháng. Bên A thanh toán chi phí cho việc thu gom và vận chuyển rác sinh hoạt hàng tháng cho bên B sau khi nhận được giấy báo đề nghị thanh toán dịch vụ và hoá đơn tài chính của Bên B.

3.1.3. Đảm bảo toàn bộ khối lượng rác thải sinh hoạt mà bên B thu gom, vận chuyển tại các thùng chứa rác của bên A đều phải là rác sinh hoạt không độc hại và không được trộn lẫn với các chủng loại rác khác đã được phân loại theo quy định của pháp luật.

3.1.4. Trường hợp khối lượng rác sinh hoạt phát sinh ngoài dự kiến, bên A phải báo trước cho Bên B trước 36 giờ để Bên B điều động thêm chuyến xe lấy rác như quy định tại Điều 1.

3.2 Trách nhiệm của Bên B.

3.2.1. Bảo đảm thu gom và vận chuyển toàn bộ chất thải rắn thông thường không nguy hại (rác sinh hoạt) thỏa thuận tại Điều 1.

3.2.2. Phương tiện chuyên chở được trang bị những thiết bị bảo đảm theo đúng quy định của ngành vệ sinh môi trường.

3.2.3. Trong trường hợp xe (máy móc) chuyên dụng hư hỏng, Bên B sẽ sắp xếp, bố trí thay thế phương tiện để vận chuyển, bốc xếp toàn bộ chất thải trong ngày.

3.2.4. Bên B từ chối thu gom, vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu phát hiện các loại chất thải nguy hại, các chủng loại rác khác đã được phân loại theo quy định pháp luật và những chất liệu không hợp pháp, gây cháy, nổ

hoặc hoá chất độc hại trộn lẫn trong thành phần chất thải rắn thông thường của Bên A.

3.2.5. Bên B vận chuyển, bốc xếp rác của Bên A về Trạm Trung chuyển 691 đường Quang Trung, phường 8, Q. Gò Vấp, TP HCM.

Điều 4. Chấm dứt hợp đồng.

Hợp đồng này được chấm dứt trước thời hạn khi xảy ra một trong những trường hợp sau:

– Hai Bên cùng thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn theo những điều kiện mà hai Bên chấp thuận và ký kết thực hiện.

– Khi Bên A hoặc Bên B vi phạm những điều khoản của hợp đồng này. Việc chấm dứt hợp đồng sẽ được một trong hai bên báo cho bên kia trước 07 (bảy) ngày bằng thông báo kể từ ngày hai bên lập biên bản vi phạm.

Điều 5. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

– Điều chỉnh đơn giá thu gom theo các quy định của UBNDTP hoặc các Sở ban ngành liên quan.

– Các trường hợp sau đây sẽ tiến hành tạm ngưng thực hiện hợp đồng:

+ Bên A không trả tiền cung ứng dịch vụ theo nội dung hợp đồng.

+ Do các điều kiện bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn hoặc các trường hợp khác có tính chất tương tự.

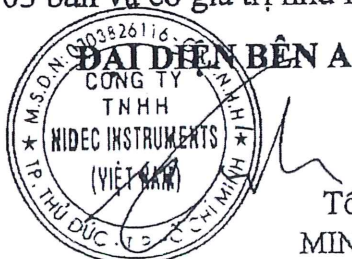
Điều 6. Điều khoản chung.

6.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và mặc nhiên được gia hạn từng năm một. Nếu có nhu cầu kết thúc dịch vụ, các bên phải có văn bản thông báo cho bên còn lại ít nhất trước 15 ngày khi hợp đồng kết thúc theo quy định tại Khoản 1.2 Điều 1 hợp đồng này. Nếu trong thời gian thực hiện một trong hai bên có nhu cầu thay đổi nội dung đã ký trong hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày để cùng nhau giải quyết.

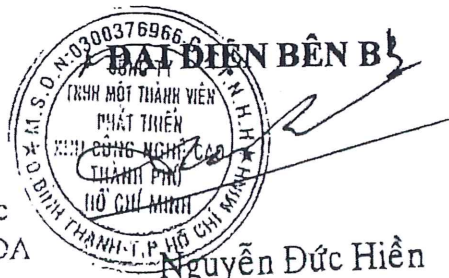
6.2 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nếu có tranh chấp không thỏa thuận được thì vụ việc được đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo Luật định, kết luận của Tòa án là chung thẩm.

6.3 Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai Bên hoàn tất nghĩa vụ với nhau và không ký lại Hợp đồng mới (hoặc Phụ lục hợp đồng) thì hợp đồng này có thêm giá trị tự thanh lý.

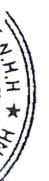
6.4 Hợp đồng này được lập thành 06 bản tiếng Việt, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 03 bản và có giá trị như nhau.



Tổng Giám Đốc
MINORU SHIMADA



Nguyễn Đức Hiền



CÔNG TY TNHH TM VÀ SX NGỌC TÂN KIÊN
ĐC: 481 Kinh Dương Vương, F.An Lạc, Q.Bình Tân, Tp HCM
ĐT: 0283 877 0847 Fax: 028 37561697

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CTNH
CONTRACT for
COLLECTION, TRANSPORT, TREATMENT OF
HAZARDOUS WASTE

Số: 0301/NTK-SANKYO/2023

- + Căn cứ Luật bảo vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 do Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022.
- + Based on the Environmental protection Law No. 72/2020/QH14, Republic Socialist Republic of Vietnam adopted on 17/11/2020 and being effective from 01/01/2022.
- + Căn cứ vào Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT Quy định về Quản lý chất thải nguy hại
- + Based on Circular No.02/2022/TT-BTNMT Regulation for Hazardous waste management
- + Căn cứ vào nhu cầu của CÔNG TY TNHH NIDEC SANKYO VIET NAM
- + Based on requirement of NIDEC SANKYO
- + Căn cứ vào Giấy phép xử lý CTNH của Công ty TNHH TM & SX Ngọc Tân Kiên mã số: 1-2-3-4-5-6.029.VX ngày 10 tháng 01 năm 2022.
- + Based on Permit of Hazardous mangement of Ngoc tankien trading and manufacturing Co., Ltd with No.1-2-3-4-5-6.029.VX.

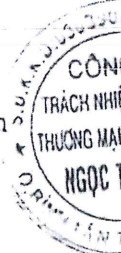
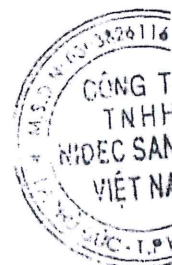
Hôm nay, ngày 03 tháng 01 năm 2023, chúng tôi đại diện 2 bên gồm:
Today, 03rd January, 2023, we represent the two sides include:

BÊN A: CÔNG TY TNHH NIDEC SANKYO VIET NAM
NIDEC SANKYO VIETNAM CORPORATION

Do Ông : TETSUO MIYAZAWA Chức vụ: Tổng giám đốc
Địa chỉ : Lô I1-N1, Khu Công nghệ cao, P. Tân Phú, TP. Thủ Đức, TP.HCM
Tài khoản số : 0181001033401 Ngân hàng Vietcombank Thủ Đức
Điện thoại : 028 37360014-15 Fax: 028 37360018
Mã số thuế : 0303826116

BÊN B: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT NGỌC TÂN KIÊN
NGOCTANKIEN TRADING AND MANUFACTURING CO., LTD

Địa chỉ : 481 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. HCM
Office Add : 481 Kinh Duong Vuong St, Ward An Lac, Binh Tan Dist., Ho Chi Minh City
Địa chỉ cơ sở : Lô G05-4, MB4-1&MB2-4, KCN Đức Hòa I, Đức Hòa Đông, Đức Hòa, Long An
Branch: G05-4, MB4-1&MB2-4, Duc Hoa 1 Industrial Zone, Duc Hoa Vilage, Long An Province
Điện thoại/Tel: 028 38770847 Fax: 028 37561697
Mã số thuế/VAT number: 0303907051
Tài khoản : 80833969- Ngân hàng ACB – PGD An Lạc
Bank account : 80833969 – ACB Bank – An Lac Branch



Đại diện : Bà HỒ THỊ KIM HÀ

Chức vụ: Giám đốc

Cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng theo các điều khoản sau đây:

They agree the content of contract as below:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG - ARTICLE 1: CONTENT OF CONTRACT

1.1 Bên A đồng ý giao cho Bên B thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của bên A. (Danh mục chất thải thể hiện trong phụ lục 1 đính kèm)

Party A agrees that party B can collect, transport and handle waste which are generated during party A's operations. (List of waste shown in the Annex 1)

1.2 Địa điểm thu gom: Lô I1-N1 Khu Công nghệ cao, Quận 9, TP.HCM

Collection location: Lot I1-N1, High-tech Zone, District 9, Ho Chi Minh City.

1.3 Địa điểm xử lý: Lô G05-4, MB4-1&MB2-4, KCN Đức Hòa I, Đức Hòa Đông, Đức Hòa, Long An.

Treatment location: G05-4, MB4-1&MB2-4, Duc Hoa 1 Industrial Zone, Duc Hoa Village, Long An Province

ĐIỀU 2: DANH MỤC – ĐƠN GIÁ - LIST AND PRICES

2.1 Số lượng chất thải căn cứ thực tế bên A giao cho bên B tại kho của bên A (theo biên bản – chứng từ giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên).

The number of waste is based on the actual number which party A deliver to party B (following the minutes of delivery and manifest)

2.2 Đơn giá xử lý (bao gồm thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý) thể hiện trong Phụ Lục 01 của hợp đồng này.

Unit price of treatment (include collecting, transportation, storage and treatment) shown in the annex 1.

ĐIỀU 3: HÌNH THỨC THANH TOÁN - FORMS OF PAYMENT

Cho việc xử lý chất thải (bên A thanh toán cho bên B) - *For waste treatment*

- Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B theo phương thức chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam, căn cứ vào số lượng thực tế thu gom Bên B xuất hóa đơn cho Bên A.
- Thời gian thanh toán: bên A thanh toán cho bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính do bên B phát hành.

The methods of payment: Party A pay Party B by the form of a bank transfer around 30 days since Party A receives financial bills will be issued by Party B and minutes of delivery of two parties.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN - RESPONSIBILITIES OF PARTIES

Bên A phải cung cấp bản sao Sổ chủ nguồn thải, chứng từ CTNH và các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên B yêu cầu.

Party A shall provide copies of Waste Generator's Book, manifest document of hazardous waste (manifest) and relevant legal documents required by the party B.

Bên B phải cung cấp cho Bên A Giấy phép xử lý chất thải nguy hại.

Party B shall provide copies of Permit for Hazardous Wastes Management

4.1 Trách nhiệm của bên A- Responsibilities of Party A

- Phân loại chất thải nguy hại thành từng loại riêng biệt theo đúng quy định về quản lý chất thải hiện hành. Các loại chất thải chứa trong các thùng chứa riêng biệt có dán nhãn chất thải và lưu trữ tại một khu vực cố định và thuận tiện cho việc thu gom, vận chuyển CTNH.

Party A shall classify and separate hazardous wastes according to local regulations. Hazardous wastes shall be contained in proper containers with labels and should be stored at an area designated by Party A.

- Phải thông báo trước 2-3 ngày để bên B sắp xếp xe thu gom và vận chuyển.

Party A should notice to Party B not less than 3 days to Party B has the receiving plan

- Khi bàn giao CTNH bên A phối hợp với bên B để hoàn thành chứng từ chất thải nguy hại theo TT 02/2022/TTBTNMT

When the hazardous waste is delivered, party A cooperates party B to complete the manifest (hazardous waste document) as stipulated in Circular No. 02/2022/TTBTNMT.

- Bên A sẽ cung cấp, hướng dẫn các chỉ dẫn về an toàn trong khuôn viên của Bên A và thông báo cho Bên B biết về các thủ tục an toàn được áp dụng để bên B tuân thủ đúng khi vào nhà máy bên A để thu gom chất thải.

The waste generator inform Ngoc Tan Kien about your the way of your work, your rules to Ngoc Tan Kien can collect and transport well

- Giao chất thải cho các xe có trong giấy phép của bên B.

Delivery wastes to the truck which have in the Permit for hazardous wastes management of Ngoc tankien.

- Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, bên A không được giao các loại chất thải nguy hại có theo Phụ Lục 01 cho đơn vị khác.

Party A shall not deliver the waste and scraps in annex 01 of this contract to other companies when the contract is still valid.

4.2 Trách nhiệm của bên B

- Chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển chất thải của bên A và lưu giữ, xử lý chúng tại nhà máy của bên B (Lô G05-4, MB4-1&MB2-4, KCN Đức Hòa 1, Đức Hòa Đông, Đức Hòa, Long An) theo quy định hiện hành về quản lý CTNH của Nhà nước Việt Nam.

Responsible for collecting and transporting waste from the B, and stored, disposed at the factories of party B (G05-4, MB4-1&MB2-4, Duc Hoa 1 Industrial Zone, Duc Hoa Vilage, Long An Province) under the current regulations on management of hazardous waste of State Vietnam.

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho của bên A.

Completely responsible before the law if to waste leaking into the environment after the waste has been transported out of the factory of party A.

- Thông báo xe vận chuyển và tài xế cho bên A biết trước khi tiến hành thu gom, vận chuyển chất thải tại nhà máy của bên A. Phương tiện sử dụng được đăng ký trong giấy phép vận chuyển chất thải nguy hại do Tổng cục môi trường cấp.

Party B shall inform party A about the vehicle and driver which collect hazardous waste at your company. The vehicle was licensed by General Department of Environment.

- Không nhận chất thải ngoài danh mục theo Phụ Lục 01

- Thực hiện kiểm tra, xác nhận và chuyển giao biên bản giao nhận và chứng từ chất thải nguy hại cho bên A.

Perform inspection, certification and transfer of minutes of delivery and manifest for party A.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG - GENERAL PROVISIONS

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký, nếu có gì khó khăn hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện hai bên sẽ thỏa thuận giải quyết và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng.

If party B's operations create any hazardous waste rather than those defined in this Contract, the two Parties shall jointly discuss and agree in writing.

- Mọi tranh chấp liên quan phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng này, hai bên cùng nhau đàm phán trên tinh thần hợp tác và cùng nhau giải quyết. Nếu việc đàm phán không đi đến thống nhất và không giải quyết được thì sẽ đưa ra toàn án Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh để giải quyết. Phán quyết của tòa án là cơ sở xác định đúng sai, mọi chi phí tố tụng do bên có lỗi chịu.

If any problems arise, both parties will jointly discussed and resolved through the contract appendix. If both parties can't resolve, the court's decision is final.

- Bên A cam kết không giao CTNH tại Phụ Lục 01 cho bất kỳ đối tác nào khác ngoài bên B trong thời gian còn hiệu lực hợp đồng. Nếu bên A vi phạm thì bên B sẽ tự chấm dứt hợp đồng và bên A phải chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật.

Party A shall not deliver the waste in Article 1 of this contract to other companies when the contract is still valid. If Party A is violating, the party B will terminate the contract and the party A bear full responsibility before the law.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến 31/12/2023, 30 ngày trước khi kết thúc hợp đồng, hai bên thỏa thuận lại việc thanh lý và gia hạn hợp đồng. Đến thời hạn kết thúc hợp đồng, khi hai bên hoàn tất hết các nghĩa vụ về các thủ tục, về thanh toán thì hợp đồng mặc nhiên tự thanh lý.

This contract will take effect from the date of signing to 31st December, 2023, 30 days before the end of the contract, both parties agreed to the liquidation or contract extension. The case of termination before the deadline must be agreed by both parties.

- Hợp đồng này được hai bên ký thành ba bản chính, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản có giá trị như nhau. Hợp đồng này được dịch sang tiếng Anh và tiếng Việt, hai bản ngôn ngữ có giá trị như nhau. Tuy nhiên, trong trường hợp có mâu thuẫn giữa hai bản dịch, bản tiếng Việt sẽ được lấy làm căn cứ.

This contract may be into 03 copies, party A keeps 02 copies, party B keeps 01 copies with the same value. This Contract is executed in English, Vietnamese language simultaneously, each language version being of equal validity. However, in the event of any inconsistency between the two translations, the Vietnamese version shall prevail.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TETSUO MIYAZAWA

ĐẠI DIỆN BÊN B



HỒ THỊ KIM HÀ

PHỤ LỤC 01/ANNEX I

(Đính kèm hợp đồng: 0301/NTK-SANKYO/2023)

Danh mục chất thải và đơn giá như sau:

The list of hazardous wastes and unit prices are as follows:



Stt	Tên chất thải/Name of wastes	Đvt	Mã CTNH	Đơn giá xử lý Vnd/kg
1	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	Kg	05 03 07	5000
2	Nhũ tương và dung dịch thải không có hợp chất halogen hữu cơ từ quá trình gia công tạo hình	Kg	07 03 04	5000
3	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	Kg	07 03 11	5000
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Kg	16 01 06	5000
5	Pin, ắc quy thải	Kg	16 01 12	0
6	Các loại nhiên liệu thải khác (bao gồm cả hỗn hợp)	Kg	17 06 03	3000
7	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	Kg	17 08 03	4000
8	Bao bì mềm thải	Kg	18 01 01	4000
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	18 02 01	5000
10	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Kg	08 02 04	0
11	Sản phẩm vô cơ có các thành phần nguy hại	Kg	19 03 01	0
12	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (ví dụ đá mài, giấy ráp...)	Kg	07 03 10	5000
13	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH)	Kg	16 01 13	5000
14	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Kg	18 01 02	5000
15	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Kg	18 01 03	5000
16	Bao bì cứng bằng thủy tinh, composit	Kg	18 01 04	5000
17	Chất thải không nguy hại (Sa/rotor)	Kg	-	3500
18	Nhựa hủy/nhựa phế	Kg	-	4800

➤ Lưu ý: Giá xử lý chưa bao gồm VAT.

Notes: This quotation does not include VAT

TỈNH/THÀNH PHỐ
<TP HỒ CHÍ MINH>

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...03... SANKYO/2022/1-2-3-4-5-6.029.VX

CÔNG TY TNHH NIDEC SANKYO VIỆT NAM

TP. HỒ CHÍ MINH

ĐT: 028 38770847

ĐT: 02723778495

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT NGỌC TÂN KIẾN Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.029.VX

Địa chỉ văn phòng: 481 Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Q.Bình Tân, TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ sở: Lô G05-4, MB4-1 & MB2-4 KCN Đức Hòa 1, Đức Hòa Đông, Đức Hòa, Long An

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Không có Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có)

Địa chỉ văn phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:Mã số QLCTNH: 79000738.T

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH NIDEC SANKYO VIỆT NAM

Địa chỉ văn phòng: Lô I1-N1 Khu công nghệ cao, phường tân phú, Quận 9, TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ sở: Lô I1-N1 Khu công nghệ cao, Quận 9, phường tân phú, TP Hồ Chí Minh

ĐT: 028 37360014.

ĐT: 028 37360014.

4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	X			18 02 01	2651	TĐ
2	Bao bì mềm thải.	X			18 01 01	278	TĐ
3	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác.		X		17 08 03	561	CCDM
4	Các loại nhiên liệu thải khác (kể cả hỗn hợp)		X		17 06 03	768	TĐ
5	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	X			07 03 11	654	TC
6	Nhũ tương và dung dịch thải không chứa hợp chất halogen từ quá trình gia công cơ khí		X		07 03 04	197	TĐ
7	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại chất thải khác có chứa thủy ngân	X			16 01 06	12	HTXLBD
8	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát			X	05 03 07	3940	TĐ
9	Sản phẩm vỏ cơ có các thành phần nguy hại	X			19 03 01	138256.5	TC
10	Hộp mực in thải	X			08 02 04	2	TĐ
11	Pin, ắc quy thải	X			16 01 12	1	HR
12	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại	X			07 03 10	8	C
13	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng ctnh)	X			16 01 13	5	TĐ
14	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn	X			18 01 02	84	TĐ
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	X			18 01 03	32	TĐ
	30 bì cứng thải bằng thủy tinh, composite	X			18 01 04	46	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tân thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện:

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Li Anet Thuy Dien Ký: Ngày: 17/02/22

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

TP Hồ Chí Minh, Ngày 17 Tháng 02 Năm 2022

CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG DẤU CỦA CHỦ NGUỒN THẢI

NIDEC SANKYO VIỆT NAM

Trần Văn Phạm

(Chữ ký, đóng dấu)

Họ và tên: TRẦN VĂN PHẠM

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, Ngày..... Tháng..... Năm.....

GIÁM ĐỐC

HỒ THỊ KIM HÀ

@ Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ

<TP HỒ CHÍ MINH>

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: SANKYO/2022/1-2-3-4-5-6.029.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT NGỌC TÂN KIẾN

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.029.VX

Địa chỉ văn phòng: 481 Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Q.Bình Tân, TP Hồ Chí Minh

ĐT: 028 38770847

Địa chỉ cơ sở: Lô G05-4, MB4-1 & MB2-4 KCN Đức Hòa 1, Đức Hòa Đông, Đức Hòa, Long An

ĐT: 02723779495

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Không có

Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có)

ĐT:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải:

CÔNG TY TNHH NIDEC SANKYO VIỆT NAM

Mã số QLCTNH: 79000738.T

Địa chỉ văn phòng: Lô I1-N1 Khu công nghệ cao, phường tân phú, Quận 9, TP Hồ Chí Minh

ĐT: 028 37360014.

Địa chỉ cơ sở: Lô I1-N1 Khu công nghệ cao, Quận 9, phường tân phú, TP Hồ Chí Minh

ĐT: 028 37360014.

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	X			18 02 01	1038	TĐ
2	Bao bì mềm thải.	X			18 01 01		TĐ
3	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác.		X		17 08 03	195	CCDM
4	Các loại nhiên liệu thải khác (kể cả hỗn hợp)		X		17 06 03	377	TĐ
5	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	X			07 03 11	526	TC
6	Nhũ tương và dung dịch thải không chứa hợp chất halogen từ quá trình gia công cơ khí		X		07 03 04		TĐ
7	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại chất thải khác có chứa thủy ngân	X			16 01 06		HTXLBD
8	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát			X	05 03 07	3745	TĐ
9	Sản phẩm vỏ cơ có các thành phần nguy hại	X			19 03 01	70.109	TC
10	Hộp mực in thải	X			08 02 04	2	TĐ
11	Pin, ắc quy thải	X			16 01 12	1	HR
12	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại	X			07 03 10		C
13	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng ctnh)	X			16 01 13		TĐ
14	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn	X			18 01-02	86	TĐ
15	Bao bì cứng thải bằng nhựa	X			18 01 03		TĐ
16	Bao bì cứng thải bằng thủy tinh, composite	X			18 01 04	37	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện:

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển:

Công Hữu Phát

Ký: Ngày: 20/11/22

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 4 (hoặc 5)

CÔNG TY TNHH NIDEC SANKYO VIỆT NAM

TP Hồ Chí Minh, Ngày 01 Tháng 01 Năm 2022

Chức danh người ký

Henry Tân Phạm

(Chữ ký, đóng dấu)

Họ và tên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT NGỌC TÂN KIẾN

Long An, Ngày 04 Tháng 04 Năm 22

GIÁM ĐỐC

HỒ THỊ KIM HÀ

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

<TP HỒ CHÍ MINH>

Số: SANKYO/2022/1-2-3-4-5-6.029.VX

1. CHỦ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT NGỌC TÂN KIẾN Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.029.VX
 Địa chỉ văn phòng: 481 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP Hồ Chí Minh
 Địa chỉ cơ sở: Lô G05-4, MB4-1 & MB2-4 KCN Đức Hòa 1, Đức Hòa Đông, Đức Hòa, Long An

2. CHỦ CS DV XL CTNH 2: Không có Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có)
 Địa chỉ văn phòng:
 Địa chỉ cơ sở:

3. CHỦ NGUỒN THẢI: CÔNG TY TNHH NIDEC SANKYO VIỆT NAM Mã số QLCTNH: 79000738.T
 Địa chỉ văn phòng: Lô I1-N1 Khu công nghệ cao, phường tân phú, Quận 9, TP Hồ Chí Minh
 Địa chỉ cơ sở: Lô I1-N1 Khu công nghệ cao, Quận 9, phường tân phú, TP Hồ Chí Minh

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	X			18 02 01	1827	TĐ
2	Bao bì mềm thải.	X			18 01 01	265	TĐ
3	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác.		X		17 08 03	185	CCDM
4	Các loại nhiên liệu thải khác (kể cả hỗn hợp)		X		17 06 03	396	TC/TĐ
	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	X			07 03 11	512	TC
6	Nhũ tương và dung dịch thải không chứa hợp chất halogen từ quá trình gia công cơ khí		X		07 03 04		TĐ
7	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại chất thải khác có chứa thủy ngân	X			16 01 06	5	HTXLBO
8	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát			X	05 03 07	4871	TĐ
9	Sản phẩm vô cơ có các thành phần nguy hại	X			19 03 01	92,943	TC
10	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
11	Pin, ắc quy thải	X			16 01 12		HR
12	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại	X			07 03 10	12	TĐ
13	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng ctnh)	X			16 01 13	2	PT
14	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn	X			18 01 02	76	TĐ
	Bao bì cứng thải bằng nhựa	X			18 01 03	15	TĐ
16	Bao bì cứng thải bằng thủy tinh, composite	X			18 01 04	47	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
 Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện:
 7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Ông Hữu Phát Ký: R Ngày: 13/11/22
 7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. CHỦ NGUỒN THẢI xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin an toàn tại CS CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

TP. HỒ CHÍ MINH, Ngày 31 Tháng 01 Năm 2022
 Chức danh người ký
 NIDEC SANKYO
 VIỆT NAM
 (Chữ ký, đóng dấu)
 Họ và tên: Henry Trần phạm

TP. HỒ CHÍ MINH, Ngày 31 Tháng 01 Năm 22
 CÔNG TY
 THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT
 NGỌC TÂN KIẾN
 (Chữ ký, đóng dấu)
 HỒ THỊ KIM HÀ



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 693-10/22-2.26 / KQPT

Tp.HCM, ngày 18 tháng 10 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NIDEC SANKYO VIỆT NAM

2/ Địa chỉ : Lô II-N1, Khu công nghệ cao, P. Tân Phú, TP. Thủ Đức, TP. HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 11/10/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải tại hố ga đầu nối thoát nước thải với Khu công nghệ cao

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,7°C)	-	6,51	2 ÷ 12,5	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	48	5,0	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	64	2,0	150	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	29	1,0	50	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	9,57	1,56	40	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,63	0,017	6	TCVN 6202: 2008
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	3,14	0,011	10	TCVN 6179-1:1996
8	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,1	0,3	-	SMEWW 5520.B& F: 2017
9	Coliform*	MPN/100mL	4.000	2	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

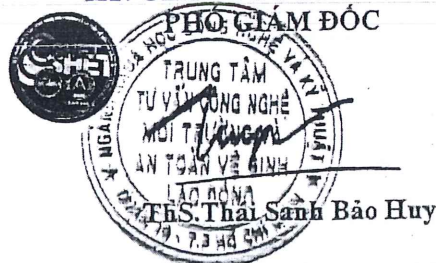
KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

PHÓ GIÁM ĐỐC



Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, LẦN BH 02; SĐ 03 (NGÀY BH, SĐ: 29/01/2021)



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 693-10/22-2.26 / KQPT

Tp.HCM, ngày 18 tháng 10 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NIDEC SANKYO VIỆT NAM

2/ Địa chỉ : Lô I1-N1, Khu công nghệ cao, P. Tân Phú, TP. Thủ Đức, TP. HCM

3/ Thời gian lấy mẫu : 11/10/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải sau HTXL nước thải cục bộ

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,3 ⁰ C)	-	6,78	2 ÷ 12,5	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	42	5,0	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	51	2,0	150	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	22	1,0	50	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	8,16	1,56	40	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,39	0,017	6	TCVN 6202: 2008
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	2,54	0,011	10	TCVN 6179-1:1996
8	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,3	0,3	-	SMEWW 5520.B& F: 2017
9	Coliform*	MPN/ 100mL	3.500	2	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

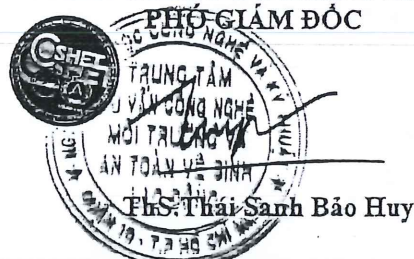
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

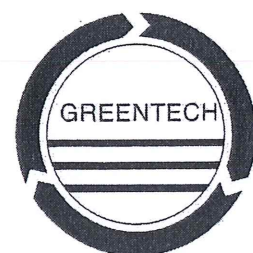
Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, LÀN BH 02; SĐ 03 (NGÀY BH, SĐ: 29/01/2021)

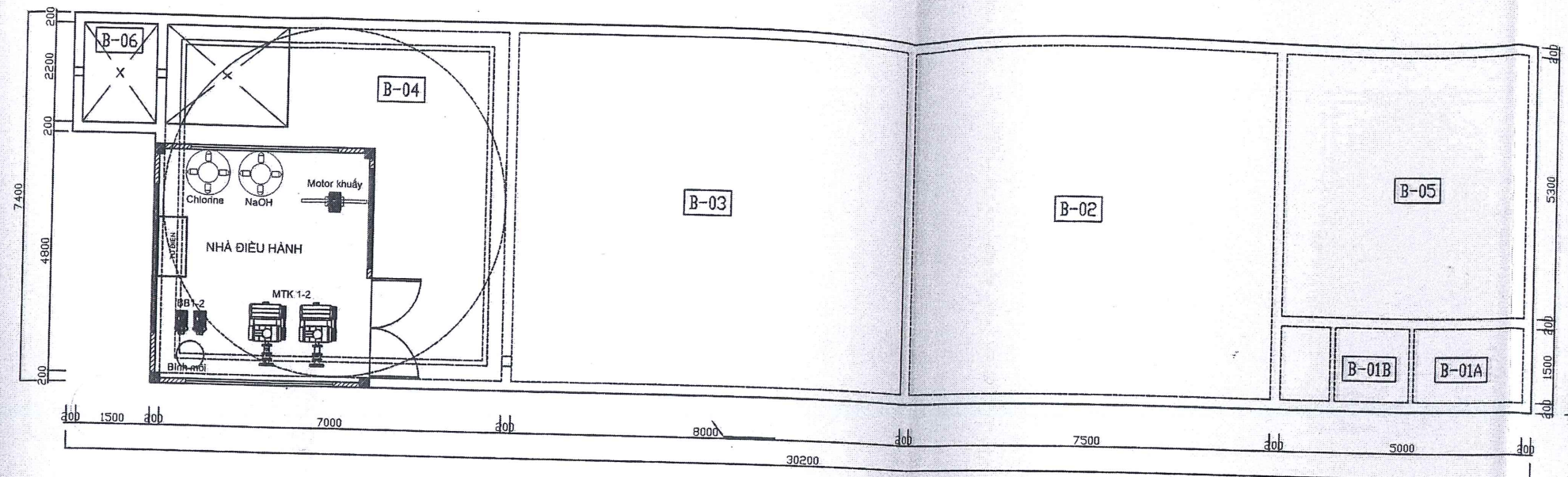


CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ XANH
ĐC: 319 B6 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP.HCM
ĐT: (08) 38665645/46 Fax: (08) 38665644
Website: www.greentechvietnam.com

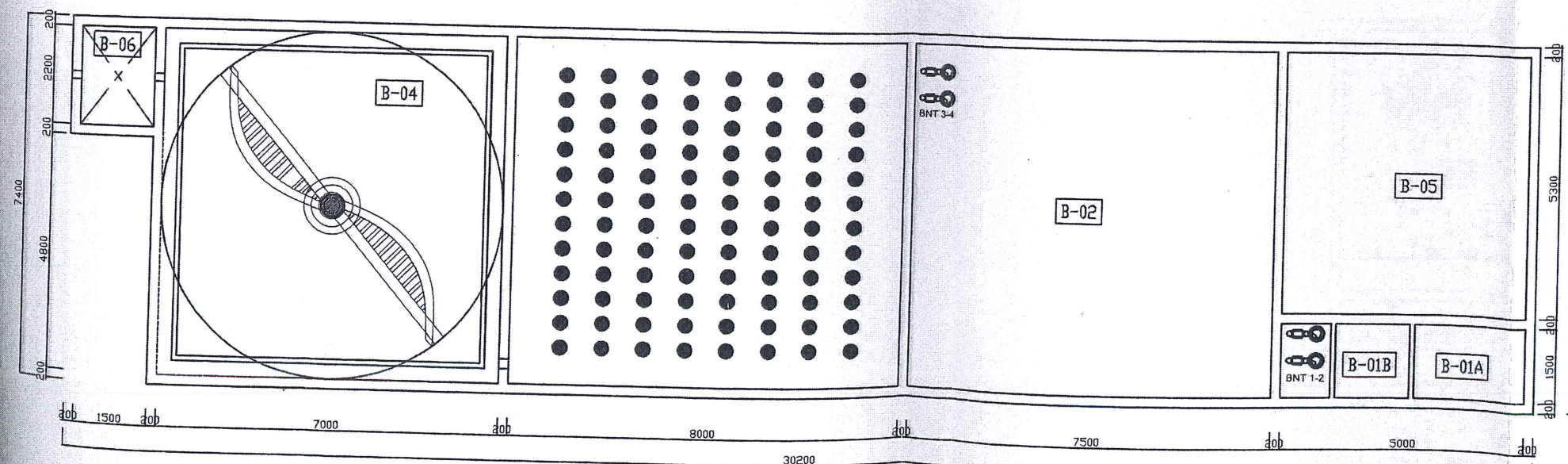
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN : HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT : 400 M³/NGÀY
ĐỊA ĐIỂM : KHU CÔNG NGHỆ CAO, QUẬN 9, TP. HỒ CHÍ MINH
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY NIDEC SANKYO VIỆT NAM
ĐƠN VỊ TƯ VẤN : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ XANH

04/2015

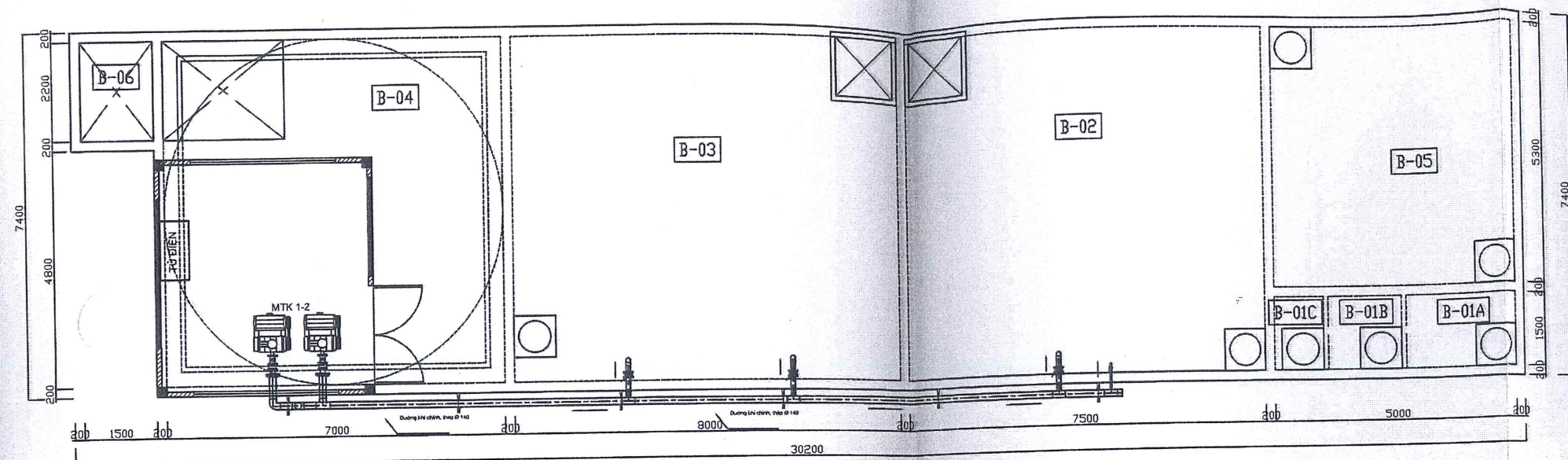


MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ -1

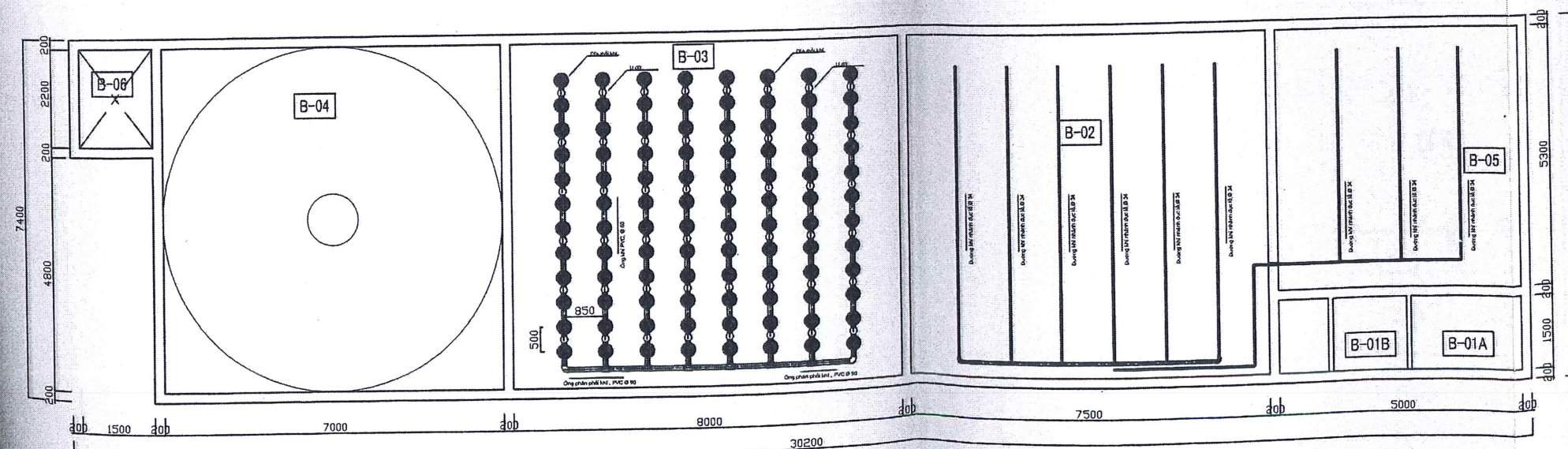


MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ -1

CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY NIDEC SANKYO VIỆT NAM	
Địa điểm: Khu Công Nghệ Cao Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	
Giám đốc	
CÔNG TRÌNH	
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VIỆT LONG	
Địa điểm: 7 Phan Tôn, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	
Giám đốc	
Đơn vị thiết kế	
CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ XANH	
Địa chỉ: B6-319 Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11, TP.HCM Tel: 38665645 - 38665646 Fax: 38665644 Website: www.greentechvietnam.com	
Giám đốc	
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ XANH	
Vũ Phá Hải	
NIÊM TRA	THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ
KS. ĐỒNG TRỌNG ĐẠT	KS. HỒ MINH THIÊN
CÔNG TRÌNH	
THIẾT KẾ THI CÔNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT: 400 M ³ /NGÀY.ĐÊM	
HẠNG MỤC	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
TÊN BẢN VẼ	
MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ	
TỈ LỆ	
KÍCH THƯỚC KHỔ GIẤY	A3
TỔNG BẢN VẼ	07
KÍ HIỆU BẢN VẼ	HC-02/07
NGÀY THỰC HIỆN	10/2014



MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG KHÍ CỦA HỆ THỐNG - 1



MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG KHÍ CỦA HỆ THỐNG - 2

CÔNG TY NIDEC SANKYO
VIỆT NAM

Địa điểm: Khu Công Nghệ Cao Quận 9, TP.
Hồ Chí Minh

Giám đốc

CÔNG TRÌNH
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
VIỆT LONG

Địa điểm: 7 Phan Tôn, Phường Đa Kao, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh

Giám đốc

Đơn vị thiết kế
CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG
CÔNG NGHỆ XANH

Địa chỉ: B6-319/Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11,
TP.HCM
Tel: 38665645 - 38665646 Fax: 38665644
Website: www.greentechvietnam.com

Giám đốc

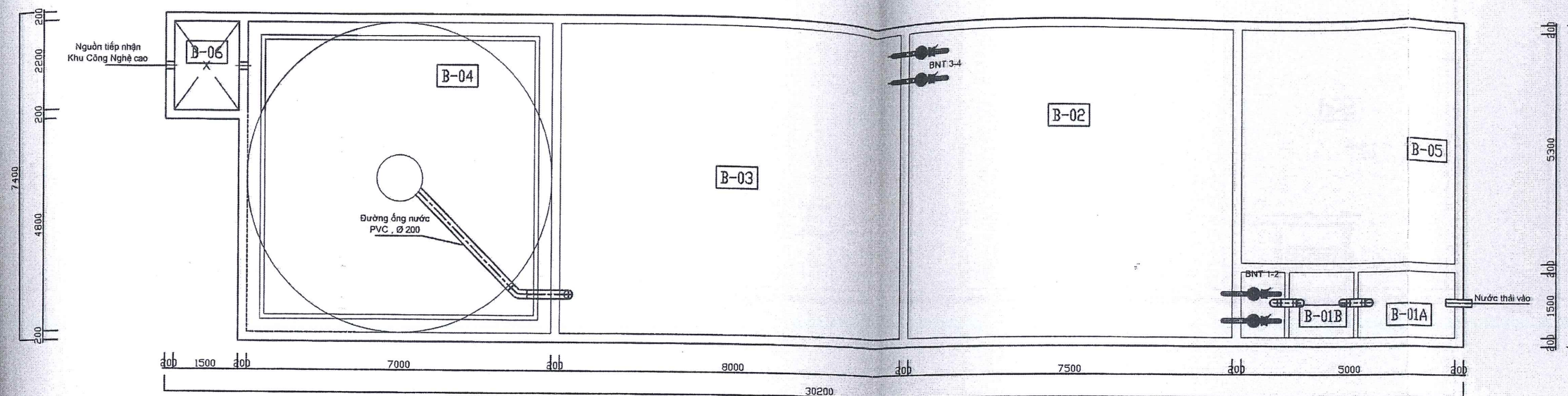
KS. ĐỒNG TRỌNG ĐẠT KS. HỒ MINH THIÊN

CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ THI CÔNG HỆ THỐNG
XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT: 400 M³/NGÀY.ĐÊM

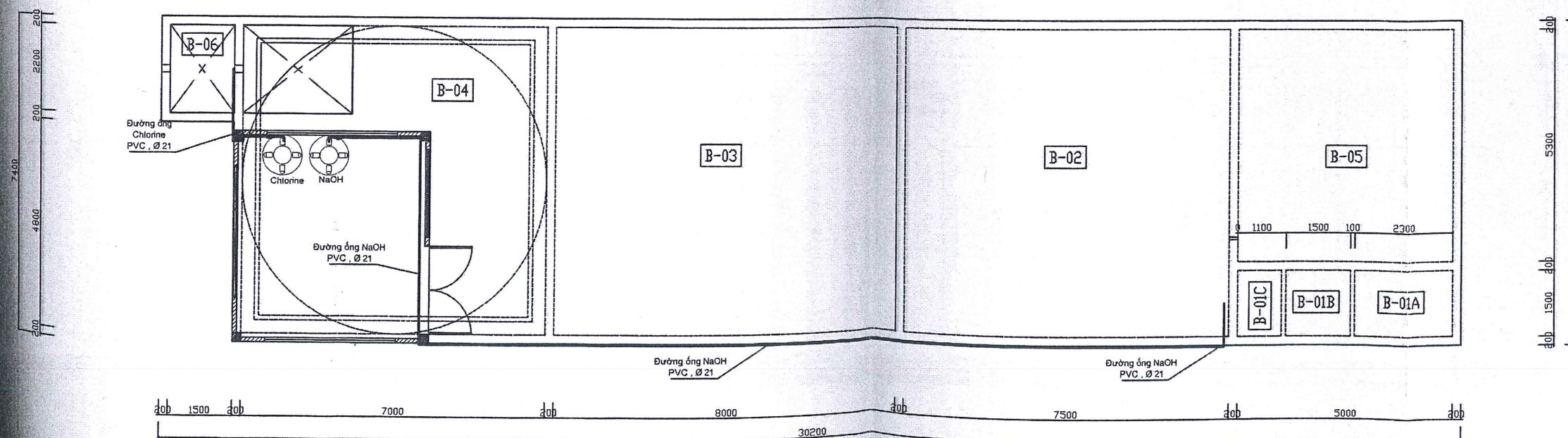
HANG MỤC
BẢN VẼ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG BỐ TRÍ
ĐƯỜNG ỐNG KHÍ

TỈ LỆ	
KÍCH THƯỚC KHÓ GIẤY	A3
TỔNG BẢN VẼ	07
KÍ HIỆU BẢN VẼ	HC-03/07
NGÀY THỰC HIỆN	10/2014

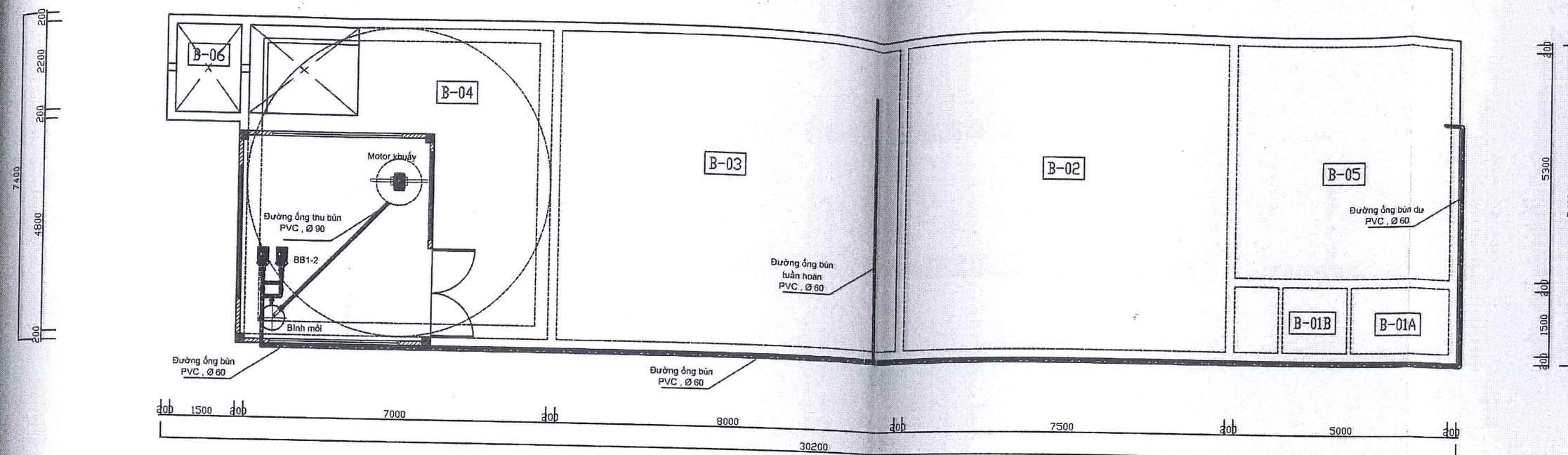


MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ống NƯỚC

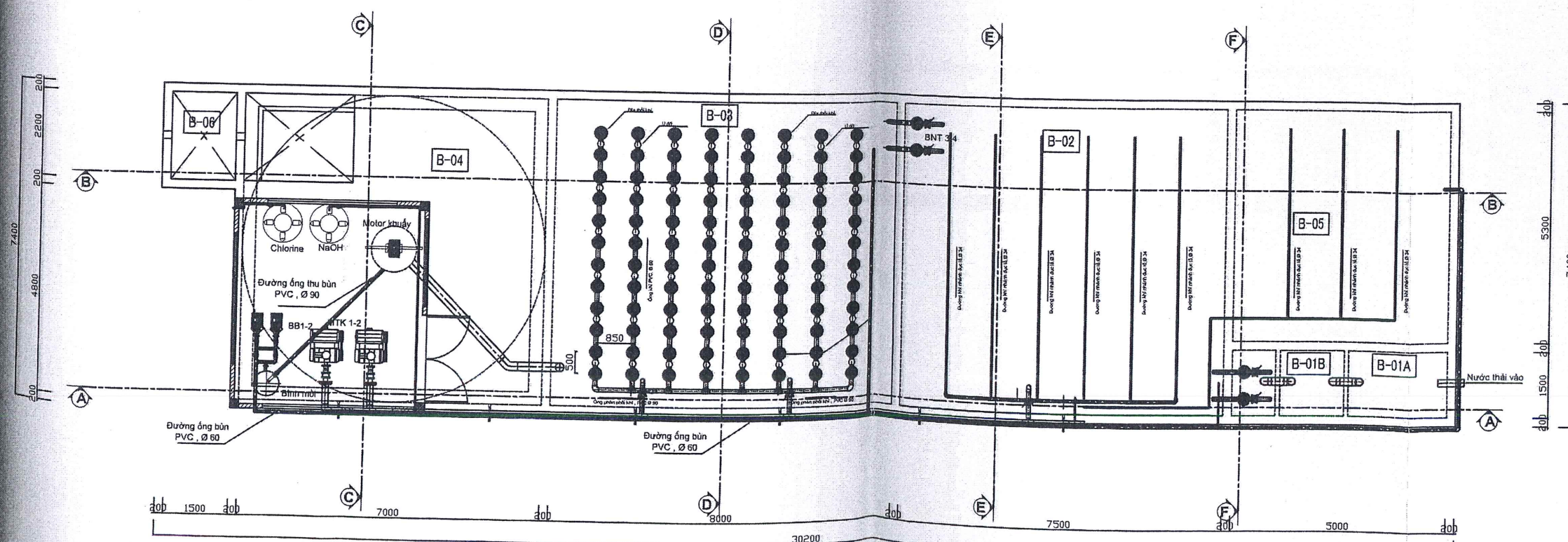


MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG HÓA CHẤT

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY NIDEC SANKYO VIỆT NAM Địa điểm: Khu Công Nghệ Cao Quận 9, TP. Hồ Chí Minh <i>Giám đốc</i>	
CÔNG TRÌNH CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VIỆT LONG Địa điểm: 7 Phan Tôn, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh <i>Giám đốc</i>	
Đơn vị thiết kế CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ XANH Địa chỉ: 86-319 Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11, TP.HCM Tel: 38665645 - 38665646 Fax: 38665644 Website: www.greentechvietnam.com <i>Giám đốc</i>	
KIỂM TRA <i>[Signature]</i> KS. ĐÔNG TRỌNG ĐẠT	THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ <i>[Signature]</i> KS. HỒ MINH THIÊN
CÔNG TRÌNH THIẾT KẾ THI CÔNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT: 400 M³/NGÀY.ĐÊM	
HẠNG MỤC BẢN VẼ CÔNG NGHỆ	
TÊN BẢN VẼ MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ống NƯỚC VÀ HÓA CHẤT	
TỈ LỆ	
KÍCH THƯỚC KHỔ GIẤY	A3
TỔNG BẢN VẼ	07
KÍ HIỆU BẢN VẼ	HC-04/07
NGÀY THỰC HIỆN	10/2014



MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG Bùn



MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG Bùn

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY NIDEC SANKYO
VIỆT NAM

Địa điểm: Khu Công Nghệ Cao Quận 9, TP.
Hồ Chí Minh

Giám đốc

CÔNG TRÌNH
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
VIỆT LONG

Địa điểm: 7 Phan Tôn, Phường Đa Kao, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh

Giám đốc

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG
CÔNG NGHỆ XANH

Địa chỉ: B6-319 Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11,
TP. HCM
Tel: 38665645 - 38665546 Fax: 38665644
Website: www.greentechvietnam.com

Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG
CÔNG NGHỆ XANH

KIỂM TRA THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ

KS. ĐÔNG TRỌNG ĐẠT KS. HỒ MINH THIÊN

CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ THI CÔNG HỆ THỐNG
XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT: 400 M³/NGÀY.ĐÊM

HẠNG MỤC

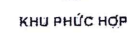
BẢN VẼ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ

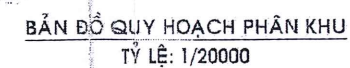
MẶT BẰNG BỐ TRÍ
ĐƯỜNG Bùn

TỈ LỆ	
KÍCH THƯỚC KHỔ GIẤY	A3
TỔNG BẢN VẼ	07
KÍ HIỆU BẢN VẼ	HC-05/07
NGÀY THỰC HIỆN	10/2014

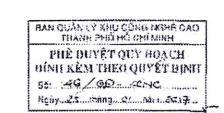
(Quốc Lộ 52)



The logo consists of a semi-circle with the letters "G3" centered inside it.



CỐT CAO ĐỘ ± 0.000 TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CỐT (+10.26) CAO ĐỘ QUỐC GIA HỒN DẦU-HẢI PHÒNG

[illegible]

 TÊN ĐƠN VỊ TK: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VIỆT LONG
ĐẠCH SỐ T: ĐƯỜNG PHAN TÔN P. BÀNG, Q.1, TP.HCM Tel (84-8) 35130111 Fax (84-8) 35130122